

TRƯỜNG THCS THANH AM

PHIẾU BÀI TẬP TUẦN NGHỈ SỐ 7 (16/3 – 22/3)

Môn: Ngữ văn 9

Câu 1. (5,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Tôi hãy còn nhớ buổi chiều hôm đó - buổi chiều sau một ngày mưa rùng, giọt mưa còn đọng trên lá, rùng sáng lấp lánh. Đang ngồi làm việc dưới tấm ni lông nóc, tôi bỗng nghe tiếng kêu. Từ con đường mòn chạy lẫn trong rừng sâu, anh hớt hải chạy về, tay cầm khúc gỗ đưa lên khoe với tôi. Mặt anh hớn hờ như đứa trẻ được quà.

Sau đó anh lấy vỏ đạn hai mươi li của Mĩ, đập mỏng làm thành một cây cưa nhỏ, cưa khúc gỗ thành từng miếng nhỏ. Những lúc rỗi, anh cưa từng chiếc răng lược thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc.

a. Đoạn trích trên được trích trong tác phẩm nào? Nêu tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm đó?

b. Nhân vật *tôi* và *anh* được nói đến trong đoạn trích là ai? Tại sao mặt anh lại hớn hờ như một đứa trẻ nhận được quà?

c. Phân tích cấu tạo ngữ pháp của câu văn in đậm và cho biết đó là kiểu câu gì xét về mặt cấu tạo ngữ pháp?

d. Viết đoạn văn 10-12 câu theo cấu trúc qui nạp phân tích tâm trạng của nhân vật *anh* từ khi trở lại chiến trường miền Đông cho tới khi làm xong cây lược gỗ. Trong đoạn văn sử dụng một phép nối, một câu hỏi tu từ. (Gạch chân, chỉ rõ)

Câu 2. (5,0 điểm) Trong bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ”, nhà thơ Thanh Hải có viết:

*“Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến*

*Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc”*

a. Nêu hoàn cảnh ra đời của bài thơ và ý nghĩa nhan đề.

b. Tại sao ở khổ 1 tác giả sử dụng đại từ “tôi” mà đến khổ thơ này tác giả sử dụng đại từ “ta”? Việc thay đổi này có tác dụng gì?

c. Nếu thanh hình ảnh “nốt trầm” bằng “nốt cao” trong khổ thơ trên có được không? Vì sao?

d. Xác định các biện pháp tu từ và tác dụng của các biện pháp ấy trong đoạn thơ trên

e. Đoạn thơ thể hiện khát vọng cống hiến cao đẹp cho đất nước, cho cuộc sống. Dựa vào đoạn thơ kết hợp với hiểu biết của mình, hãy viết đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy trình bày suy nghĩ về những cống hiến cao đẹp của mọi người trong cuộc phòng chống dịch bệnh do vi rus Covid-19 gây ra.

NỘI DUNG ÔN TẬP ĐỊA LÝ 9 (16/3-22/3)

I. ÔN TẬP LÝ THUYẾT KINH TẾ BIỂN CỦA BẮC TRUNG BỘ VÀ DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ (tiếp theo)

II. BÀI TẬP

1. Vùng duyên hải Nam Trung bộ

Câu 1: *Khó khăn của tài nguyên đất ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp ở DHNTB là*

- A. Đất bị nhiễm phèn, nhiễm mặn. B. Diện tích đất trống, đồi núi trọc nhiều.
C. Quỹ đất nông nghiệp hạn chế D. Vùng đồng bằng độ dốc lớn

Câu 2: *Trong các ngành kinh tế sau đây, ngành nào có thể mạnh ở DHNTB?*

- A. Ngư nghiệp B. Nông nghiệp C. Lâm nghiệp D. Công nghiệp

Câu 3: *Các cánh đồng muối nổi tiếng ở DHNTB là*

- A. Nha Trang và Phan Thiết B. Vân Phong và Cam Ranh
C. Văn Lý và Sa Huỳnh D. Sa Huỳnh và Cà Ná

Câu 4: *Thương hiệu nước mắm nổi tiếng trong vùng DHNTB là*

- A. Cát Hải B. Phú Quốc C. Phan Thiết D. Long Hải

Câu 5: *Ý nào sau đây không đúng về nghề cá ở DHNTB?*

- A. Mực, tôm, cá đông lạnh là các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu.
B. Chiếm hơn ¼ giá trị thủy sản khai thác của cả nước.
C. Có nhiều bãi tôm, bãi cá tập trung ở các ngư trường.
D. Cả biển chiếm sản lượng nhỏ trong sản lượng tổng thủy sản.

Câu 6: *Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 28, cho biết các trung tâm công nghiệp nào sau đây lớn nhất vùng DHNTB?*

- A. Phan Thiết và Quảng Ngãi B. Quảng Ngãi và Đà Nẵng
C. Đà Nẵng và Nha Trang D. Nha Trang và Quy Nhơn

Câu 7: *Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 28, cho biết nhà máy thủy điện nào sau đây không thuộc vùng DHNTB?*

- A. Hàm Thuận – Đa Mi. B. Drây Hling.
C. Vương D. Vĩnh Sơn.

Câu 8: *Nhà máy lọc dầu Dung Quất thuộc tỉnh nào của DHNTB?*

- A. Quảng Ngãi B. Bình Định C. Phú Yên D. Quảng Nam

Câu 9: *Một số biển nổi tiếng của DHNTB là:*

- A. Mĩ Khê, La Huỳnh, Lăng Cô. B. Mũi Né, Nha Trang, Vũng Tàu.
C. Thiên Cầm, Vân Phong, Quy Nhơn. D. Non Nước, Nha Trang, Mũi Né.

Câu 10: *Tỉnh/thành phố nào sau đây không thuộc vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?*

- A. Bình Thuận B. Đà Nẵng C. Quảng Nam D. Bình Định

2. Thực hành: Kinh tế biển của Bắc Trung bộ và duyên hải Nam Trung bộ

Câu 1: *Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 27, cho biết thứ tự đúng các cảng biển của vùng Bắc Trung Bộ từ Bắc vào Nam?*

- A. Cửa Lò, Vũng Áng, Nhật Lệ, Chân Mây.
B. Vũng Áng, Chân Mây, Nhật Lệ, Cửa Lò.
C. Cửa Lò, Nhật Lệ, Chân Mây, Vũng Áng.
D. Chân Mây, Cửa Lò, Vũng Áng, Nhật Lệ

Câu 2: Vịnh Vân Phong – cảng trung chuyển quốc tế lớn nhất nước ta trong tương lai dự kiến xây dựng ở tỉnh nào sau đây của vùng DHNTB?

A. Ninh Thuận B. Bình Định C. Quảng Ngãi D. Khánh Hòa

Câu 3: Các bãi tôm, bãi cá lớn nhất ở vùng DHNTB thuộc các tỉnh:

A. Bình Định-Khánh Hòa B. Quảng Nam- Quảng Ngãi

C. Ninh Thuận- Bình Thuận D. Khánh Hòa- Ninh Thuận

Câu 4: Bãi tắm Non Nước nổi tiếng thuộc tỉnh/thành phố nào sau đây?

A. Đà Nẵng B. Khánh Hòa C. Bình Thuận D. Bình Định

Câu 5: Nhận xét nào sau đây không đúng về tiềm năng kinh tế biển của Bắc Trung Bộ và DHNTB?

A. DHNTB thuận lợi hơn Bắc Trung Bộ.

B. Nghề làm muối phát triển mạnh ở Bắc Trung Bộ.

C. Dọc bờ biển có nhiều vũng vịnh nước sâu thuận lợi xây dựng cảng.

D. Có nhiều bãi tắm nổi tiếng thu hút khách du lịch.

PHIẾU BÀI TẬP (16/3- 22/3/2020)

MÔN : TIẾNG ANH KHỐI 9

I. THEORY (Giáo viên yêu cầu tất cả phần 2,3 phải viết ra vở , gv sẽ kiểm tra vở và kiểm tra miệng các phần lý thuyết, các động từ bất quy tắc để lấy điểm) - **TẤT CẢ CÁC PHẦN LÝ THUYẾT ĐỀU CÓ TRONG SÁCH NGỮ PHÁP MÀ GIÁO VIÊN VĂN DẠY TRÊN LỚP.**

1. Các cấu trúc câu

(Học tiếp các cấu trúc câu)

41. To look forward to V_ing (Mong chờ, mong đợi làm gì)VD: We are looking forward to going on holiday.(Chúng tôi đang mong được đi nghỉ)
42. To provide smb with st (Cung cấp cho ai cái gì)VD: Can you provide us with some books in history?(Bạn có thể cung cấp cho chúng tôi một số sách về lịch sử không?)
43. To prevent/ stop smb from V_ing (Cản trở ai làm gì) VD: The rain stopped us from going for a walk.(Cơn mưa đã ngăn cản chúng tôi đi dạo)
44. To fail to do smt (Không làm được cái gì / Thất bại trong việc làm cái gì)VD: We failed to do this exercise.(Chúng tôi không thể làm bài tập này)
45. To be succeed in V_ing (Thành công trong việc làm cái gì)VD: We were succeed in passing the exam.(Chúng tôi đã thi đỗ)
46. To borrow smt from smb (Mượn cái gì của ai)VD: She borrowed this book from the library.(Cô ấy đã mượn cuốn sách này ở thư viện)
47. To lend smb smt (Cho ai mượn cái gì)VD: Can you lend me some money?(Bạn có thể cho tôi vay ít tiền không?)
48. To make smb do smt (Bắt ai làm gì)VD: The teacher made us do a lot of homework.(Giáo viên bắt chúng tôi làm rất nhiều bài tập ở nhà)
49. CN + be + so + tính từ + that + S + động từ.(Đến mức mà)CN + động từ + so + trạng từ 1. The exercise is so difficult that none can do it. (Bài tập khó đến mức không ai làm được) 2. He spoke so quickly that I couldn't understand him.(Anh ta nói nhanh đến mức mà tôi không thể hiểu được anh ta)
50. CN + be + such + (a/an) + tính từ + danh từ + that + CN + động từ.VD: It is such a difficult exercise that noone can do it.(Đó là một bài tập quá khó đến nỗi không ai có thể làm được)
51. It is (very) kind of smb to do smt (Ai thật tốt bụng / tử tế khi làm gì) VD: It is very kind of you to help me.(Bạn thật tốt vì đã giúp tôi)
52. To find it + tính từ + to do smtVD: We find it difficult to learn English. (Chúng tôi thấy học tiếng Anh khó)
53. To make sure of smt (Bảo đảm điều gì)that + CN + động từVD: 1. I have to make sure of that information.(Tôi phải bảo đảm chắc chắn về thông tin đó)2. You have to make sure that you'll pass the exam.(Bạn phải bảo đảm là bạn sẽ thi đỗ)
54. It takes (smb) + thời gian + to do smt (Mất (của ai) bao nhiêu thời gian để làm gì)VD: It took me an hour to do this exercise.(Tôi mất một tiếng để làm bài này)
55. To spend + time / money + on smt (Dành thời gian / tiền bạc vào cái gì /doing smt làm gì) VD: We spend a lot of time on TV/ watching TV.(Chúng tôi dành nhiều thời gian xem TV)
56. To have no idea of smt = don't know about smt (Không biết về cái gì)VD: I have no idea of this word = I don't know this word.(TÔI không biết từ này)

57. To advise smb to do smt (Khuyên ai làm gì/not to do smt không làm gì)VD: Our teacher advises us to study hard.(Cô giáo khuyên chúng tôi học chăm chỉ)

58. To plan to do smt (Dự định / có kế hoạch làm gì)intendVD: We planed to go for a picnic.intended(Chúng tôi dự định đi dã ngoại)

59. To invite smb to do smt (Mời ai làm gì)VD: They invited me to go to the cinema.(Họ mời tôi đi xem phim)

60. To offer smb smt (Mời / đề nghị ai cái gì)VD: He offered me a job in his company.(Anh ta mời tôi làm việc cho công ty anh ta)

2. Danh từ (Sách ngữ pháp trang 5). Học các loại danh từ, chức năng.

3. Tính từ(Sách ngữ pháp trang 61). Học các loại tính từ, phân từ dùng như tính từ, vị trí và trật tự tính từ .

4. Học thuộc các động từ bất quy tắc.

70	sell	sold	sold	bán
71	send	sent	sent	gửi
72	show	showed	showed/shown	chỉ ra, cho thấy
73	shut	shut	shut	đóng
74	sing	sang	sung	hát
75	sit	sat	sat	ngồi
76	sleep	slept	slept	ngủ
77	speak	spoke	spoken	nói
78	spend	spent	spent	chi tiêu
79	stand	stood	stood	đứng
80	swim	swam	swum	bơi
81	take	took	taken	có
82	teach	taught	taught	dạy
83	tear	tore	torn	xé
84	tell	told	told	nói
85	think	thought	thought	nghĩ
86	throw	threw	thrown	ném
87	understand	understood	understood	hiểu

88	wake	woke	woken	thức
89	wear	wore	worn	mặc
90	win	won	won	giành chiến thắng

II. EXERCISE

1. MULTIPLE CHOICE: (8 points)

Choose the word or phrase (A, B, C or D) that indicate the word/phrase which is OPPOSITE in meaning to the underlined part.

1. She is a very generous old woman. She has given most of her wealth to a charity organization.

A. mean B. amicable C. kind D. hospitable

2. The plane landed safely.

A. touched down B. took off C. took over D. took up

Choose the word or phrase (A, B, C or D) that best fits the blank space in each sentence.

3. China is _____ far the most populated country in the world.

A. as B. by C. so D. to

4. The hotel is beautifully _____ in a quiet spot near the river.

A. located B. situating C. lying D. stayed

5. A _____ is a cave that is big enough for humans to go inside.

A. cavern B. bay C. fortress D. temple

6. If I were a superman, I _____.

A. flew B. will fly C. would fly D. fly

7. _____ this hand-embroidered picture was expensive, we bought it.

A. As B. Because C. Even though D. Despite

8. The light went out while I..... dinner.

A. am having B. was having C. had D. have had

9. My friend, _____ bicycle was stolen last week, has decided to buy a motorbike

A. whom B. which C. who D. whose

10. Son Doong Cave is recognised as _____ cave in the world by BCRA.

A. the larger than B. the largest C. the larger D. the most large

11. I suggest _____ some money for poor children.

A. to raise B. raising C. raised D. raise

12. "Mum. I've got 6.00 on the TOEFL test" - ""

A. Good way! B. You are right. C. Oh, hard luck! D. Good job!

13. Tom: "How did you get here?" - John: "....."

A. I came here last night. B. I came here by train.

C. The train is so crowded. D. Is it far from here?

Choose one word (A, B, C or D) whose stress pattern is different from the others .

14. A. adolescence B. multicultural C. metropolitan D. limestone

15. A. factor B. event C. complex D. tunnel

Choose the word (A, B, C or D) whose underlined part is pronounced differently from that of the others.

16. A. fabulous B. administrative C. paradise D. urban

17. A. bilingual B. dialect C. simmer D. pile-up

Choose the word or phrase (A, B, C or D) that indicate the word/phrase which is CLOSEST in meaning to the underlined part.

18. My father still hasn't really recovered from the death of my mother.
A. looked after B. taken after C. gone off D. got over
19. As a government official, Benjamin Franklin often traveled abroad.
A. widely B. secretly C. alone D. overseas

Read the passage and do the exercises that follow by choosing the corresponding letter (A,B,C or D) of the correct answers.

Cigarettes contain toxic substances like tar and nicotine. That is why we often hear people telling us that smoking is harmful to our bodies. Smoking weakens our lungs as well as other parts of our body. We will not be as active as before and will need more effort to move about. Smoking affects our environment too. When we puff, we pollute the environment with smoke. This makes our surroundings unpleasant and unclean. Since Smoking does not do any good to us, we should always say no to cigarettes. We should advise our loved ones to take sweet instead whenever they feel like taking toxic puff.

20. Which word in the passage means "harmful to our body"?
- A. toxic B. pollute C. unpleasant D. effort
21. Smoking is harmful to us because.....
- A. makes us more active B. wastes our more
C. weakens our body D. makes us move about difficulty
22. Which of the following is a harmful effect of smoking?
- A. Hearing problem B. Hair loss C. Loss of sense of smell D. Lung cancer
23. Which of the following sentences is correct?
- A. Cigarettes contain a lot of smoke immediately B. Smoking can kill us
C. We can help smokers quit smoking easily D. Smoking causes more harm than good to us
24. How can we help a smoker quit his bad habit ?
- A. Give him more money B. Ask him to suck on sweets to replace smoking
C. Hide away his cigarettes so that he can not smoke D. Tell him to stop smoking every day

Mark the letter A,B,C, or D to show the underlined part that needs correction

25. John's father had him repeated the poem many times.
A B C D
26. I used to having a very good time with my grandparents when I was a child.
A B C D
27. Even though being ill , Phong still went to school last Monday
A B C D

Choose the correct answer A, B, C or D for each gap in the passage

Homelessness is a problem in many big cities in the world. It occurs when a part of the population does not have any (28) _____ place to call *home*. Hundreds of millions of people in the world spend at least some time of the year homeless. This is an issue that the authorities are trying to (29) _____. However, there are (30) _____ things that each person can do to help those people. One of the things that you can do

to help the homeless is to volunteer your time. If you have a lot of free time, you might go on an extended trip to help (31) _____ homes or improve an impoverished area. Even with just a few hours a week, it is possible to make an impact in your own city. You can also sign up to help at a (32) _____ soup kitchen: most cities have a mission of some kind serving food to the homeless and offering temporary shelter

28. A. common B. regular C. unusual D. fixed

29. A. deal with B. get over C. look through D. find out

30. A. little B. less C. more D. fewer

31. A. care for B. show around C. set up D. pull down

32. A. urban B. central C. capital D. local

2. WRITING: (2.0 points)

Finish the second sentence so that it has a similar meaning to the first one, beginning with the given words

33. You can't visit the USA unless you have a visa.

=> If you.....

34. "Can I borrow your typewriter, Janet?" asked Peter.

=> Peter asked if.....

35. She started working as a secretary five years ago.

=> She has.....

36. She knows a lot more about it than I do.

=> I don't know.....

Complete the second sentence so that it has a similar meaning to the first one. Do not change the given words in any ways

37. My French friend finds driving on the left difficult. (USED TO)

38. They think the owner of the house is abroad. (THOUGHT)

39. We didn't go on holiday because we did not have enough money. (WOULD)

40. The children couldn't go swimming because the sea was rough. (TOO)

THE END

NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN LỊCH SỬ 9

(Từ ngày 16/3 – 22/3/2020)

Năm học: 2019 - 2020

I. Lý thuyết

Chủ đề 3: MỸ, TÂY ÂU, NHẬT BẢN.

Yêu cầu HS đọc lại nội dung các bài học trong SGK Lịch sử 9 trước khi làm bài tập.

II. Bài tập

I. Tự luận

1. Vẽ sơ đồ tư duy tình hình Mỹ, Nhật Bản và các nước Tây Âu từ sau CTTGII đến nay (3 sơ đồ tư duy)

2. Lập bảng so sánh, đối chiếu tình hình giữa Mỹ, Nhật Bản và các nước Tây Âu sau CTTGII (Gợi ý: so sánh tình hình các nước sau khi bước ra khỏi CTTGII, so sánh các chính sách về kinh tế, chính trị, xã hội...mà các nước đã thực hiện sau CTTGII, kết quả các nước đạt được sau khi thực hiện các chính sách đó)

II. Trắc nghiệm

Câu 1. Tình hình kinh tế Mỹ bước ra khỏi cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai như thế nào?

- A. Nền kinh tế Mỹ bị tàn phá và thiệt hại nặng nề.
- B. Nền kinh tế Mỹ phụ thuộc chặt chẽ vào các nước châu Âu khác.
- C. Mỹ thu được nhiều lợi nhuận và trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất thế giới.
- D. Mỹ nhanh chóng khôi phục nền kinh tế và đạt được bước phát triển “thần kì”.

Câu 2. Nguyên nhân dẫn đến sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là do

- A. những khoản lợi nhuận khổng lồ nhờ buôn bán vũ khí và lương thực.
- B. Mỹ ở xa chiến trường nên không bị chiến tranh tàn phá, được yên ổn phát triển sản xuất, đồng thời thu lợi nhuận khổng lồ nhờ buôn bán vũ khí, hàng hoá cho các nước tham chiến.
- C. có thời gian hoà bình để phát triển sản xuất và buôn bán vũ khí, hàng hoá cho các nước tham chiến.
- D. Mỹ tham chiến muộn nên không phải chi phí nhiều cho chiến tranh.

Câu 3. Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại do Mỹ khởi đầu diễn ra từ

- A. cuối thế kỉ XVIII.
- B. đầu thế kỉ XIX.
- C. đầu những năm 40 của thế kỉ XX.
- D. giữa những năm 40 của thế kỉ XX.

Câu 4. Hai đảng thay nhau nắm quyền ở nước Mỹ là

- A. Đảng Tự do và Đảng Bảo thủ.
- B. Đảng Tự do và Đảng Cộng hoà.
- C. Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hoà.
- D. Đảng Bảo thủ và Đảng Tự do.

Câu 5. Nội dung nào không phải là biểu hiện của sự phát triển kinh tế Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Mỹ chiếm hơn một nửa sản lượng công nghiệp toàn thế giới.
- B. Sản lượng nông nghiệp của Mỹ gấp gần 2 lần của Anh, Pháp, Tây Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản cộng lại.
- C. Mỹ nắm trong tay 3/4 trữ lượng vàng của thế giới.
- D. Đồng đô-la là đồng tiền giao dịch quốc tế.

Câu 6. Nước tư bản giàu mạnh nhất sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. Mỹ.
- B. Anh.
- C. Pháp.
- D. Nhật Bản.

Câu 7. Nội dung nào không phải là mục đích của việc Mỹ ban hành các đạo luật phản động trong những năm đầu tiên sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Cấm Đảng Cộng sản Mỹ hoạt động.
- B. Chống lại phong trào đình công.
- C. Loại bỏ những người tiến bộ ra khỏi bộ máy Nhà nước.
- D. Hỗ trợ tài chính cho những người thất nghiệp.

Câu 8. Nội dung nào không phải là mục tiêu của “Chiến lược toàn cầu” của Mỹ?

- A. Viện trợ kinh tế cho các nước nghèo.
- B. Chống phá các nước xã hội chủ nghĩa.
- C. Đẩy lùi phong trào giải phóng dân tộc.
- D. Thiết lập sự thống trị trên toàn thế giới.

Câu 9. Trong việc thực hiện “Chiến lược toàn cầu” sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ đã vấp phải nhiều thất bại nặng nề, tiêu biểu là

- A. cuộc chiến tranh Triều Tiên.
- B. chiến tranh Trung Quốc.
- C. chiến tranh xâm lược Việt Nam.
- D. chiến tranh chống Cu-ba.

Câu 10. Nguyên nhân của tình hình không ổn định về kinh tế Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Mĩ thường xuyên tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược.
- B. Mĩ vấp phải nhiều cuộc suy thoái, khủng hoảng.
- C. Sự chênh lệch giàu nghèo giữa các tầng lớp trong xã hội.
- D. Thiếu nhiều loại tài nguyên, khoáng sản quan trọng.

Câu 11. Nội dung nào không phải là nguyên nhân làm cho địa vị kinh tế Mĩ bị suy giảm sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Sự vươn lên cạnh tranh của Tây Âu và Nhật Bản.
- B. Kinh tế Mĩ không ổn định do vấp phải nhiều cuộc suy thoái, khủng hoảng.
- C. Do theo đuổi tham vọng bá chủ thế giới.
- D. Mĩ chịu nhiều tổn thất nặng nề khi tham gia vào Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 12. Vì sao sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ thực hiện “chiến lược toàn cầu”?

- A. Mĩ có sức mạnh về quân sự.
- B. Mĩ có thế lực về kinh tế.
- C. Mĩ không chế các nước đồng minh và các nước xã hội chủ nghĩa.
- D. Mĩ tham vọng làm bá chủ thế giới.

Câu 13. Trong 20 năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ được coi là

- A. một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính lớn của thế giới.
- B. nước có nền công nghiệp đứng thứ hai thế giới.
- C. trung tâm hàng không, vũ trụ lớn nhất thế giới.
- D. trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.

Câu 14. Nguyên nhân cơ bản nhất thúc đẩy nền kinh tế Mĩ phát triển nhanh chóng sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. áp dụng các thành tựu của cách mạng khoa học - kĩ thuật.
- B. nhờ buôn bán vũ khí cho các nước tham chiến.
- C. tài nguyên thiên nhiên phong phú.
- D. trình độ tập trung tư bản và sản xuất cao.

Câu 15. Một trong những thành tựu nổi bật về khoa học – kĩ thuật hiện đại của Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. chế tạo ra công cụ sản xuất mới, các nguồn năng lượng mới.
- B. thực hiện cải tiến trong sản xuất nông nghiệp,
- C. phóng con tàu vũ trụ đầu tiên bay quanh Trái Đất.
- D. sản xuất hàng tiêu dùng.

Câu 16. Đặc điểm nổi bật của nền kinh tế Mĩ so với kinh tế Tây Âu và Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Kinh tế Mĩ phát triển nhanh và luôn giữ vững địa vị hàng đầu.
- B. Kinh tế Mĩ bị các nước tư bản Tây Âu và Nhật Bản cạnh tranh gay gắt.
- C. Kinh tế Mĩ phát triển nhanh, nhưng thường xuyên xảy ra nhiều cuộc suy thoái.
- D. Kinh tế Mĩ phát triển đi đôi với phát triển quân sự.

Câu 17. Nội dung nào không phản ánh đúng tình hình Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Là nước bại trận, bị chiến tranh tàn phá nặng nề.
- B. Lần đầu tiên trong lịch sử bị quân đội nước ngoài chiếm đóng.
- C. Đất nước bị chia xẻ thành nhiều khu vực để giải giáp lực lượng phát xít.
- D. Bị mất hết thuộc địa và đứng trước rất nhiều khó khăn bao trùm đất nước.

Câu 18. Nhân tố nào được coi là “ngọn gió thần” đối với nền kinh tế Nhật Bản sau chiến tranh?

- A. Được nhận viện trợ kinh tế của Mĩ.
- B. Mĩ tiến hành cuộc Chiến tranh Triều Tiên (6-1950).
- C. Mĩ gây ra cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.
- D. Mĩ tiến hành chiến tranh chống Cu-ba.

Câu 19. Biểu hiện sự phát triển “thần kì” của kinh tế Nhật Bản là

- A. trở thành trung tâm kinh tế, tài chính duy nhất của thế giới.
- B. đáp ứng được đầy đủ nhu cầu lương thực thực phẩm cho cả nước.
- C. từ những năm 70 của thế kỉ XX, Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính của thế giới.
- D. từ một nước bại trận bị chiến tranh tàn phá nặng nề, Nhật Bản đã vươn lên trở thành một siêu cường kinh tế.

Câu 20. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản gặp phải khó khăn gì khác với các nước tư bản đồng minh chống phát xít?

- A. Bị quân đội nước ngoài chiếm đóng.
- B. Là nước bại trận, nước Nhật mất hết thuộc địa.
- C. Thiếu thốn trầm trọng lương thực, thực phẩm. .
- D. Phải dựa vào viện trợ của Mĩ dưới hình thức vay nợ.

Câu 21. Cải cách quan trọng nhất Nhật Bản thực hiện sau CCTGII là

- A. cải cách Hiến pháp.
- B. cải cách ruộng đất.
- C. cải cách giáo dục
- D. cải cách văn hoá.

Câu 22. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản bị quân đội nước nào chiếm đóng?

- A. Quân đội Liên Xô.
- B. Quân Anh.
- C. Quân Mĩ.
- D. Quân Pháp.

Câu 23. Nội dung nào không phải là cải cách dân chủ được tiến hành sau Chiến tranh thế giới thứ hai ở Nhật Bản?

- A. Ban hành hiến pháp mới có nhiều nội dung tiến bộ.
- B. Thực hiện cải cách ruộng đất.
- C. Xoá bỏ chủ nghĩa quân phiệt và trừng trị tội phạm chiến tranh, giải thể các công ti độc quyền lớn...
- D. Kí hiệp ước an ninh Mĩ – Nhật.

Câu 24. Kết quả của những cải cách được tiến hành ở Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã dẫn đến chuyển biến quan trọng nào?

- A. Nhật Bản chuyển từ một xã hội chuyên chế sang xã hội dân chủ.
- B. Nhật Bản chuyển từ một xã hội dân chủ sang một xã hội chuyên chế.
- C. Nhật Bản chuyển sang xã hội chủ nghĩa.
- D. Nhật Bản tiếp tục duy trì chế độ quân phiệt.

Câu 25. Nguyên nhân chủ yếu nào dẫn đến sự phát triển kinh tế của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Yếu tố con người là vốn quý nhất.
- B. Áp dụng khoa học kĩ thuật vào sản xuất.
- C. Các công ty có sức cạnh tranh cao.
- D. Chi phí cho quốc phòng thấp.

Câu 26. Từ năm 1945 đến năm 1952, Nhật Bản khôi phục kinh tế trong hoàn cảnh

- A. chịu nhiều tổn thất nặng nề của cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai.
- B. thu nhiều lợi nhuận nhờ Chiến tranh thế giới thứ hai.
- C. không bị ảnh hưởng gì bởi cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai.
- D. nhận được sự viện trợ của Mĩ.

Câu 27. Từ năm 1945 đến năm 1952, chính sách đối ngoại của Nhật Bản là

- A. chỉ giao lưu với các nước Đông Nam Á.

- B. liên minh chặt chẽ với Mĩ.
- C. mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước trên thế giới.
- D. liên minh với Mĩ và Liên Xô.

Câu 28. Chính sách đối ngoại của Nhật Bản từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX có sự thay đổi như thế nào?

- A. Liên minh chặt chẽ với Mĩ.
- B. Chú trọng phát triển quan hệ với các nước Đông Nam Á và ASEAN.
- C. Tăng cường quan hệ với các nước Tây Âu.
- D. Mở rộng quan hệ với tất cả các nước trên thế giới.

Câu 29. Khó khăn đối với nền công nghiệp của Nhật Bản trong giai đoạn 1952 - 1973 là

- A. phải nhập khẩu nhiên liệu.
- B. phải nhập khẩu nhiên liệu và nguyên liệu.
- C. phụ thuộc vào nhiên liệu nhập khẩu.
- D. phụ thuộc vào nguồn nhiên liệu, nguyên liệu nhập khẩu.

Câu 30. Nhận định nào sau đây đánh giá đúng sự phát triển kinh tế Nhật Bản từ năm 1960 đến năm 1973?

- A. Phát triển nhảy vọt.
- B. Phát triển vượt bậc.
- C. Phát triển thần kì.
- D. Phát triển to lớn.

Câu 31. Nguyên nhân nào cơ bản nhất thúc đẩy nền kinh tế Nhật phát triển và là bài học kinh nghiệm cho các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam?

- A. Con người được đào tạo chu đáo và áp dụng thành tựu khoa học - kĩ thuật.
- B. Vai trò lãnh đạo, quản lí có hiệu quả của nhà nước.
- C. Tận dụng tốt các điều kiện bên ngoài để phát triển.
- D. Các công ti năng động có tầm nhìn xa, sức cạnh tranh cao, chi phí cho quốc phòng thấp.

Câu 32. Nguyên nhân khách quan giúp kinh tế các nước Tây Âu phục hồi sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. được đền bù chiến phí từ các nước bại trận.
- B. tinh thần lao động tự lực của nhân dân các nước Tây Âu.
- C. sự viện trợ của Mỹ trong kế hoạch Mác-san.
- D. sự giúp đỡ của Liên Xô.

Câu 33. Chính sách ưu tiên hàng đầu của các nước Tây Âu về chính trị sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân.
- B. Tăng cường bóc lột bằng các hình thức thuế.
- C. Tiến hành tổng tuyển cử tự do.
- D. Củng cố chính quyền của giai cấp tư sản, liên minh chặt chẽ với Mĩ.

Câu 34. Từ năm 1945 đến năm 1950, tình hình kinh tế, chính trị các nước Tây Âu có gì nổi bật?

- A. Nền kinh tế bị tàn phá nặng nề do ảnh hưởng của cuộc chiến tranh thế giới.
- B. Giai cấp tư sản tiến hành củng cố chính quyền và các hoạt động khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh,
- C. Nền kinh tế phát triển mạnh vượt mức so với trước chiến tranh.
- D. Giai cấp tư sản tiến hành các hoạt động đàn áp nhân dân lao động.

Câu 35. Khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) do Mĩ thành lập năm 1949 nhằm mục đích gì?

- A. Chống lại phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
- B. Chống lại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.
- C. Chống lại Liên Xô, Trung Quốc và Việt Nam.
- D. Chống lại các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Câu 36. Các thành viên đầu tiên của Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC) gồm những nước nào?

- A. Anh, Pháp, CHLB Đức, Bỉ, Hà Lan, I-ta-li-a.

- B. Anh, Pháp, CHLB Đức, Bỉ, Hà Lan, Tây Ban Nha. .
- C. Pháp, CHLB Đức, Bỉ, Hà Lan, Lúc-xăm-bua, I-ta-li-a.
- D. Pháp, CHLB Đức, Bỉ, Hà Lan, I-ta-li-a, Bồ Đào Nha.

Câu 37. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Tây Âu đã phải dựa vào đâu để phát triển kinh tế?

- A. Dựa vào nội lực của chính mình.
- B. Dựa vào nhân dân lao động trong nước.
- C. Dựa vào các thuộc địa.
- D. Nhân viện trợ của Mĩ theo “Kế hoạch phục hưng châu Âu”.

Câu 38. “Kế hoạch phục hưng châu Âu” sau Chiến tranh thế giới thứ hai do nước nào đề ra?

- A. Anh.
- B. Pháp.
- C. Mĩ.
- D. CHLB Đức.

Câu 39. Khi nhận được sự viện trợ của Mĩ từ “Kế hoạch phục hưng châu Âu, mối quan hệ giữa các nước Tây Âu và Mĩ như thế nào?

- A. Các nước Tây Âu ngày càng lệ thuộc vào Mĩ.
- B. Các nước Tây Âu bình đẳng với Mĩ.
- C. Mĩ phụ thuộc vào các nước Tây Âu.
- D. Mĩ và Tây Âu đối địch với nhau.

Câu 39. Nội dung nào không phải chính sách đối nội của các nước tư bản Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Thu hẹp các quyền tự do dân chủ.
- B. Xoá bỏ các cải cách tiến bộ.
- C. Ngăn cản phong trào công nhân và phong trào dân chủ.
- D. Thực hiện quyền tự do dân chủ.

Câu 40. Tổ chức liên kết khu vực châu Âu đầu tiên được thành lập sau Chiến tranh thế giới thứ hai là tổ chức nào?

- A. Cộng đồng than- thép châu Âu.
- B. Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu.
- C. Cộng đồng kinh tế châu Âu.
- D. Liên minh châu Âu.

Câu 41. Liên minh châu Âu là tổ chức

- A. liên minh quân sự.
- B. liên minh kinh tế - chính trị.
- C. liên minh giáo dục - văn hoá - y tế.
- D. liên minh về khoa học - kĩ thuật.

Câu 42. “Kế hoạch phục hưng châu Âu” còn được gọi là

- A. kế hoạch khôi phục vị thế đã mất của các nước Tây Âu.
- B. kế hoạch phục hưng sức mạnh quân sự của các nước Tây Âu.
- C. kế hoạch Mác-san.
- D. kế hoạch phục hưng chính trị của các nước Tây Âu.

Câu 43. Tính đến năm 2004, Liên minh châu Âu (EU) bao gồm bao nhiêu nước thành viên?

- A. 25 nước.
- B. 26 nước.
- C. 27 nước.
- D. 28 nước.

Câu 44. Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ các nước Tây Âu liên minh chặt chẽ với Mĩ về mặt quân sự?

- A. Trở lại xâm lược các nước thuộc địa cũ.
- B. Chống Liên Xô.
- C. Tham gia khối quân sự NATO.
- D. Thành lập nhà nước Cộng hoà Liên bang Đức.

Câu 45. Nguyên nhân chủ yếu khiến các nước Tây Âu liên kết kinh tế với nhau là nhằm

- A. thoát dần khỏi sự lệ thuộc vào Mĩ.
- B. cạnh tranh với các nước ngoài khu vực.
- C. khẳng định sức mạnh và tiềm lực kinh tế.
- D. thành lập Nhà nước chung châu Âu.

Câu 46. Việc Mỹ thực hiện kế hoạch Mác-san đã tác động như thế nào đến tình hình châu Âu?

- A. Giúp phục hồi kinh tế Tây Âu.
- B. Giúp Tây Âu trở thành trung tâm kinh tế, tài chính thế giới.
- C. Tạo nên sự đối lập về kinh tế, chính trị giữa Tây Âu và Đông Âu.
- D. Tây Âu liên minh chặt chẽ với Mỹ.

Câu 47. Điểm khác cơ bản của Nhật Bản so với các nước Tây Âu trong giai đoạn phục hồi và phát triển kinh tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Áp dụng thành tựu khoa học – kĩ thuật.
- B. Tận dụng tốt các yếu tố bên ngoài để phát triển.
- C. Sự lãnh đạo, quản lí có hiệu quả của Nhà nước.
- D. Chi phí cho quốc phòng thấp.

Câu 48. Tổ chức Liên minh châu Âu ra đời cùng với xu hướng chung nào của thế giới?

- A. Đối thoại hợp tác của các nước tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.
- B. Đối đầu của các nước tư bản chủ nghĩa và các nước xã hội chủ nghĩa.
- C. Các tổ chức liên kết khu vực xuất hiện ngày càng nhiều. T U C
- D. Xu thế toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ.

Câu 49. “Liên minh châu Âu là tổ chức liên kết khu vực lớn nhất hành tinh” là vì

- A. số lượng thành viên nhiều.
- B. quan hệ với hầu hết các quốc gia trên thế giới.
- C. kết nạp tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị.
- D. đây là một trong ba trung tâm kinh tế tài chính của thế giới.

BÀI TẬP SINH 9 TUẦN 6
BÀI 41 :MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC NHÂN TỐ SINH THÁI

Câu 1: Thế nào là môi trường sống của sinh vật?

- A. Là nơi tìm kiếm thức ăn, nước uống của sinh vật.
- B. Là nơi ở của sinh vật.
- C. Là nơi sinh sống của sinh vật, bao gồm tất cả những gì bao quanh chúng.
- D. Là nơi kiếm ăn, làm tổ của sinh vật.

Câu 2: Nhân tố sinh thái là :

- A. các yếu tố vô sinh hoặc hữu sinh của môi trường.
- B. tất cả các yếu tố của môi trường.
- C. những yếu tố của môi trường tác động tới sinh vật.
- D. các yếu tố của môi trường ảnh hưởng gián tiếp lên cơ thể sinh vật.

Câu 3: Các nhân tố sinh thái được chia thành những nhóm nào sau đây?

- A. Nhóm nhân tố vô sinh và nhân tố con người.
- B. Nhóm nhân tố ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm và nhóm các sinh vật khác.
- C. Nhóm nhân tố sinh thái vô sinh, nhóm nhân tố sinh thái hữu sinh và nhóm nhân tố con người.
- D. Nhóm nhân tố con người và nhóm các sinh vật khác.

Câu 4: Sinh vật sinh trưởng và phát triển thuận lợi nhất ở vị trí nào trong giới hạn sinh thái?

- A. Gần điểm gây chết dưới.
- B. Gần điểm gây chết trên.
- C. Ở điểm cực thuận
- D. Ở trung điểm của điểm gây chết dưới và điểm gây chết trên.

Câu 5: Giới hạn sinh thái là gì?

- A. Là khoảng thuận lợi của một nhân tố sinh thái đảm bảo cơ thể sinh vật sinh trưởng và phát triển tốt.
- B. Là giới hạn chịu đựng của cơ thể sinh vật đối với các nhân tố sinh thái khác nhau.
- C. Là giới hạn chịu đựng của cơ thể sinh vật đối với một nhân tố sinh thái nhất định.
- D. Là khoảng tác động có lợi nhất của nhân tố sinh thái đối với cơ thể sinh vật.

Câu 6: Các nhân tố sinh thái nào sau đây là nhân tố sinh thái vô sinh?

- A. Ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm, thực vật.
- B. Nước biển, sông, hồ, ao, cá, ánh sáng, nhiệt độ, độ dốc.
- C. Khí hậu, thổ nhưỡng, nước, địa hình.
- D. Các thành phần cơ giới và tính chất lí, hoá của đất; nhiệt độ, độ ẩm, động vật.

Câu 7: Cơ thể sinh vật được coi là môi trường sống khi:

- A. chúng là nơi ở của các sinh vật khác.
- B. các sinh vật khác có thể đến lấy chất dinh dưỡng từ cơ thể chúng.
- C. cơ thể chúng là nơi ở, nơi lấy thức ăn, nước uống của các sinh vật khác.
- D. cơ thể chúng là nơi sinh sản của các sinh vật khác.

Câu 8: Nhân tố con người được tách ra thành một nhóm nhân tố sinh thái riêng vì:

- A. con người có tư duy, có lao động.
- B. con người tiến hoá nhất so với các loài động vật khác.
- C. hoạt động của con người khác với các sinh vật khác, con người có trí tuệ nên vừa khai thác tài nguyên thiên nhiên lại vừa cải tạo thiên nhiên.
- D. con người có khả năng chủ động khai thác thiên nhiên.

Câu 9: Những loài có giới hạn sinh thái rộng đối với nhiều nhân tố sinh thái, thì chúng có:

- A. vùng phân bố hẹp.
- B. vùng phân bố hạn chế.
- C. vùng phân bố rộng.
- D. vùng phân bố hẹp hoặc hạn chế.

Câu 10: Khi nào các yếu tố đất, nước, không khí, sinh vật đóng vai trò của một môi trường?

- A. Khi nơi đó có đủ điều kiện thuận lợi về nơi ở cho sinh vật.

- B. Là nơi sinh vật có thể kiếm được thức ăn.
- C. Khi đó là nơi sinh sống của sinh vật.
- D. Khi nơi đó không có ảnh hưởng gì đến đời sống của sinh vật.

Câu 11: Khi nào các yếu tố của môi trường như đất, nước, không khí, sinh vật đóng vai trò của một nhân tố sinh thái?

- A. Khi các yếu tố của môi trường không ảnh hưởng lên đời sống sinh vật.
- B. Khi sinh vật có ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường.
- C. Khi các yếu tố của môi trường tác động lên đời sống sinh vật.
- D. Khi sinh vật có ảnh hưởng gián tiếp đến môi trường.

Câu 12: Cá chép có giới hạn chịu đựng về nhiệt độ là: 2°C đến 44°C, điểm cực thuận là 28°C. Cá rô phi có giới hạn chịu đựng về nhiệt độ là: 5°C đến 42°C, điểm cực thuận là 30°C. Nhận định nào sau đây là đúng?

- A. Vùng phân bố cá chép hẹp hơn cá rô phi vì có điểm cực thuận thấp hơn.
- B. Vùng phân bố cá rô phi rộng hơn cá chép vì có giới hạn dưới cao hơn.
- C. Cá chép có vùng phân bố rộng hơn cá rô phi vì có giới hạn chịu nhiệt rộng hơn.
- D. Cá chép có vùng phân bố rộng hơn cá rô phi vì có giới hạn dưới thấp hơn.

BÀI 42: ẢNH HƯỞNG CỦA ÁNH SÁNG LÊN ĐỜI SỐNG SINH VẬT

Câu 13: Khi chuyển những sinh vật đang sống trong bóng râm ra sống nơi có cường độ chiếu sáng cao hơn thì khả năng sống của chúng như thế nào?

- A. Vẫn sinh trưởng và phát triển bình thường.
- B. Khả năng sống bị giảm.
- C. Khả năng sống bị giảm, nhiều khi bị chết.
- D. Không thể sống được.

Câu 14: Ánh sáng ảnh hưởng tới đời sống thực vật như thế nào?

- A. Làm thay đổi hình thái bên ngoài của thân, lá và khả năng quang hợp của thực vật.
- B. Làm thay đổi các quá trình sinh lí quang hợp, hô hấp.
- C. Làm thay đổi những đặc điểm hình thái và hoạt động sinh lí của thực vật.
- D. Làm thay đổi đặc điểm hình thái của thân, lá và khả năng hút nước của rễ.

Câu 15: Hiện tượng tia cành tự nhiên là gì?

- A. Là hiện tượng cây mọc trong rừng có tán lá hẹp, ít cành.
- B. Cây trồng tia bớt các cành ở phía dưới.
- C. Là cành chỉ tập trung ở phần ngọn cây, các cành cây phía dưới sớm bị rụng.
- D. Là hiện tượng cây mọc trong rừng có thân cao, mọc thẳng.

Câu 16: Cây ưa sáng thường sống nơi nào?

- A. Nơi nhiều ánh sáng tán xạ.
- B. Nơi có cường độ chiếu sáng trung bình.
- C. Nơi quang đàng.
- D. Nơi khô hạn.

Câu 17: Cây ưa bóng thường sống ở nơi:

- A. ít ánh sáng tán xạ.
- B. có độ ẩm cao.
- C. ít ánh sáng và ánh sáng tán xạ chiếm chủ yếu.
- D. ít ánh sáng tán xạ hoặc dưới tán cây khác.

Câu 18: Theo khả năng thích nghi với các điều kiện chiếu sáng khác nhau của động vật, người ta chia động vật thành các nhóm nào sau đây?

- A. Nhóm động vật ưa sáng, nhóm động vật ưa khô.
- B. Nhóm động vật ưa sáng, nhóm động vật ưa bóng.
- C. Nhóm động vật ưa sáng, nhóm động vật ưa tối.
- D. Nhóm động vật ưa sáng, nhóm động vật ưa ẩm.

Câu 19: Cây thông mọc riêng rẽ nơi quang đàng thường có tán rộng hơn cây thông mọc xen nhau trong rừng vì:

- A. ánh sáng mặt trời tập trung chiếu vào cành cây phía trên.

- B. cây có nhiều chất dinh dưỡng.
- C. ánh sáng mặt trời chiếu được đến các phía của cây.
- D. cây có nhiều chất dinh dưỡng và phần ngọn của cây nhận nhiều ánh sáng.

Câu 20: Nếu ánh sáng tác động vào cây xanh từ một phía nhất định, sau một thời gian cây mọc như thế nào?

- A. Cây vẫn mọc thẳng.
- B. Cây luôn quay về phía mặt trời.
- C. Ngọn cây sẽ mọc cong về phía có nguồn sáng.
- D. Ngọn cây rũ xuống.

Câu 21: Lá cây ưa sáng có đặc điểm hình thái như thế nào?

- A. Phiến lá rộng, màu xanh sẫm.
- B. Phiến lá dày, rộng, màu xanh nhạt.
- C. Phiến lá hẹp, dày, màu xanh nhạt.
- D. Phiến lá hẹp, mỏng, màu xanh sẫm.

Câu 22: Lá cây ưa bóng có đặc điểm hình thái như thế nào?

- A. Phiến lá hẹp, mỏng, màu xanh nhạt.
- B. Phiến lá hẹp, dày, màu xanh sẫm.
- C. Phiến lá rộng, mỏng, màu xanh sẫm.
- D. Phiến lá dài, mỏng, màu xanh nhạt.

Câu 23: Vào buổi trưa và đầu giờ chiều, tư thế nằm phơi nắng của thằn lằn bóng đuôi dài như thế nào?

- A. Luân phiên thay đổi tư thế phơi nắng theo hướng nhất định.
- B. Tư thế nằm phơi nắng không phụ thuộc vào cường độ chiếu sáng của mặt trời.
- C. Phơi nắng nằm theo hướng tránh bớt ánh nắng chiếu vào cơ thể.
- D. Phơi nắng theo hướng bề mặt cơ thể hấp thu nhiều năng lượng ánh sáng mặt trời.

Câu 24: Nhịp điệu chiếu sáng ngày và đêm ảnh hưởng tới hoạt động của nhiều loài động vật như thế nào?

- A. Chỉ hoạt động vào lúc trước mặt trời mọc và lúc hoàng hôn.
- B. Chủ yếu hoạt động vào ban ngày.
- C. Có loài ưa hoạt động vào ban ngày, có loài ưa hoạt động vào ban đêm, có loài hoạt động vào lúc hoàng hôn hay bình minh.
- D. Chủ yếu hoạt động lúc hoàng hôn hoặc khi trời tối.

Câu 25: Trong quang hợp cây xanh sử dụng năng lượng ánh sáng mặt trời để:

- A. tổng hợp glucôzơ.
- B. phân giải glucôzơ.
- C. phân giải protein.
- D. phân giải lipit.

BÀI 43: ẢNH HƯỞNG CỦA NHIỆT ĐỘ VÀ ĐỘ ẨM LÊN ĐỜI SỐNG SINH VẬT

Câu 26: Tầng cutin dày trên bề mặt lá của các cây xanh sống ở vùng nhiệt đới có tác dụng gì?

- A. Hạn chế sự thoát hơi nước khi nhiệt độ không khí lên cao.
- B. Hạn chế ảnh hưởng có hại của tia cực tím với các tế bào lá.
- C. Tạo ra lớp cách nhiệt bảo vệ lá cây.
- D. Tăng sự thoát hơi nước khi nhiệt độ không khí lên cao.

Câu 27: Về mùa đông giá lạnh, các cây xanh ở vùng ôn đới thường rụng nhiều lá có tác dụng gì?

- A. Tăng diện tích tiếp xúc với không khí lạnh và giảm sự thoát hơi nước.
- B. Làm giảm diện tích tiếp xúc với không khí lạnh.
- C. Giảm diện tích tiếp xúc với không khí lạnh và giảm sự thoát hơi nước.
- D. Hạn sự thoát hơi nước.

Câu 28: Với các cây xanh sống ở vùng nhiệt đới, chồi cây có các vảy mỏng bao bọc, thân và rễ cây có các lớp bần dày. Những đặc điểm này có tác dụng gì?

- A. Hạn chế sự thoát hơi nước khi nhiệt độ không khí cao.
- B. Tạo ra lớp cách nhiệt bảo vệ cây.
- C. Hạn chế ảnh hưởng có hại của tia cực tím với các tế bào lá.

D. Giảm diện tích tiếp xúc với không khí lạnh.

Câu 29: Quá trình quang hợp của cây chỉ có thể diễn ra bình thường ở nhiệt độ môi trường nào?

A. $0^{\circ} - 40^{\circ}$.

B. $10^{\circ} - 40^{\circ}$.

C. $20^{\circ} - 30^{\circ}$.

D. $25^{\circ} - 35^{\circ}$.

Câu 30: Ở nhiệt độ quá cao (cao hơn 40°C) hay quá thấp (0°C) các hoạt động sống của hầu hết các loại cây xanh diễn ra như thế nào?

A. Các hạt diệp lục được hình thành nhiều.

B. Quang hợp tăng - hô hấp tăng.

C. Quang hợp giảm - hô hấp tăng.

D. Quang hợp giảm thiểu và ngưng trệ, hô hấp ngưng trệ.

Câu 31: Đặc điểm cấu tạo của động vật vùng lạnh có ý nghĩa giúp chúng giữ nhiệt cho cơ thể chống rét là:

A. có chi dài hơn.

B. cơ thể có lông dày và dài hơn (ở thú có lông).

C. chân có móng rộng.

D. đệm thịt dưới chân dày.

Câu 32: Ở động vật hằng nhiệt thì nhiệt độ cơ thể như thế nào?

A. Nhiệt độ cơ thể không phụ thuộc vào nhiệt độ môi trường.

B. Nhiệt độ cơ thể phụ thuộc vào nhiệt độ môi trường.

C. Nhiệt độ cơ thể thay đổi ngược với nhiệt độ môi trường.

D. Nhiệt độ cơ thể tăng hay giảm theo nhiệt độ môi trường.

Câu 33: Ở động vật biến nhiệt thì nhiệt độ cơ thể như thế nào?

A. Nhiệt độ cơ thể không phụ thuộc vào nhiệt độ môi trường.

B. Nhiệt độ cơ thể phụ thuộc vào nhiệt độ môi trường.

C. Nhiệt độ cơ thể thay đổi không theo sự tăng hay giảm nhiệt độ môi trường.

D. Nhiệt độ cơ thể thay đổi ngược với nhiệt độ môi trường.

Câu 34: Những cây sống ở nơi khô hạn thường có những đặc điểm thích nghi nào?

A. Lá biến thành gai, lá có phiến mỏng.

B. Lá và thân cây tiêu giảm.

C. Cơ thể mọng nước, bản lá rộng.

D. Hoặc cơ thể mọng nước hoặc lá tiêu giảm hoặc lá biến thành gai.

Câu 35: Nhóm sinh vật nào sau đây có khả năng chịu đựng cao với sự thay đổi nhiệt độ của môi trường?

A. Nhóm sinh vật hằng nhiệt.

B. Nhóm sinh vật biến nhiệt.

C. Nhóm sinh vật ở nước.

D. Nhóm sinh vật ở cạn.

Câu 36: Nhân tố nhiệt độ ảnh hưởng như thế nào lên đời sống thực vật?

A. Đến sự biến dạng của cây có rễ thở ở vùng ngập nước.

B. Đến cấu tạo của rễ.

C. Đến sự dài ra của thân.

D. Đến hình thái, cấu tạo, hoạt động sinh lý và sự phân bố của thực vật.

Câu 37: Giải thích nào về hiện tượng cây ở sa mạc có lá biến thành gai là đúng:

A. Cây ở sa mạc có lá biến thành gai giúp cho chúng chống chịu với gió bão.

B. Cây ở sa mạc có lá biến thành gai giúp cho chúng bảo vệ được khỏi con người phá hoại.

C. Cây ở sa mạc có lá biến thành gai giúp cho chúng giảm sự thoát hơi nước trong điều kiện khô hạn của sa mạc.

D. Cây ở sa mạc có lá biến thành gai giúp cây hạn chế tác động của ánh sáng.

Câu 38: Nhóm sinh vật nào dưới đây được xếp vào nhóm động vật hằng nhiệt?

A. Cá sấu, thỏ, ếch, dơi.

B. Bò câu, cá rô phi, cá chép, chó sói.

C. Cá rô phi, cá chép, ếch, cá sấu.

D. Bò câu, chó sói, thỏ, dơi.

Câu 39: Nhóm sinh vật nào dưới đây được xếp vào nhóm động vật biến nhiệt?
A. Cá rô phi, cá chép, ếch, cá sấu. B. Cá sấu, thỏ, ếch, dơi.
C. Bò câu, mèo, thỏ, dơi. D. Bò câu, cá rô phi, cá chép, mèo.

Câu 40: Nhóm sinh vật nào dưới đây được xếp vào nhóm thực vật chịu hạn?
A. Cây rau mác, cây xương rồng, cây phi lao.
B. Cây thuốc bỏng, cây thông, cây rau bợ.
C. Cây xương rồng, cây thuốc bỏng, cây thông, cây phi lao.
D. Cây xương rồng, cây phi lao, cây rau bợ, cây rau mác.

Câu 41: Nhóm sinh vật nào sau đây toàn là động vật ưa khô?
A. Ếch, ốc sên, giun đất. B. Ếch, lạc đà, giun đất.
C. Lạc đà, thằn lằn, kỳ đà. D. Ốc sên, thằn lằn, giun đất.

Câu 42: Nhóm sinh vật nào sau đây toàn là động vật ưa ẩm?
A. Ếch, ốc sên, giun đất. B. Ếch, lạc đà, giun đất.
C. Lạc đà, thằn lằn, kỳ đà. D. Ốc sên, thằn lằn, giun đất.

BÀI 44: ẢNH HƯỞNG LÃN NHAU GIỮA CÁC SINH VẬT

Câu 43: Quan hệ giữa hai loài sinh vật trong đó cả hai bên cùng có lợi là mối quan hệ:
A. hội sinh. B. cộng sinh.
C. kí sinh. D. cạnh tranh.

Câu 44: Quan hệ giữa hai loài sinh vật, trong đó một bên có lợi còn bên kia không có lợi và cũng không có hại là mối quan hệ:
A. ký sinh. B. cạnh tranh.
C. hội sinh. D. cộng sinh.

Câu 45: Các sinh vật khác loài tranh giành nhau thức ăn, nơi ở và các điều kiện sống khác của môi trường là đặc điểm của mối quan hệ khác loài nào sau đây?
A. Cộng sinh. B. Hội sinh.
C. Cạnh tranh. D. Kí sinh.

Câu 46: Sinh vật sống nhờ trên cơ thể của sinh vật khác, lấy chất dinh dưỡng và máu từ cơ thể vật chủ là đặc điểm của mối quan hệ khác loài nào sau đây?
A. Sinh vật ăn sinh vật khác. B. Hội sinh.
C. Cạnh tranh. D. Kí sinh.

Câu 47: Các sinh vật cùng loài có quan hệ với nhau như thế nào?
A. Cộng sinh và cạnh tranh. B. Hội sinh và cạnh tranh.
C. Hỗ trợ và cạnh tranh. D. Kí sinh, nửa kí sinh.

Câu 48: Động vật ăn thịt con mồi, động vật ăn thực vật và thực vật bắt sâu bọ thuộc quan hệ khác loài nào sau đây?
A. Cộng sinh. B. Sinh vật ăn sinh vật khác.
C. Cạnh tranh. D. Kí sinh.

Câu 49: Quan hệ giữa các cá thể trong hiện tượng “tự tử” ở thực vật là mối quan hệ gì?
A. Cạnh tranh. B. Sinh vật ăn sinh vật khác.
C. Hội sinh. D. Cộng sinh.

Câu 50: Rận và bét sống bám trên da trâu, bò. Rận, bét với trâu, bò có mối quan hệ theo kiểu nào dưới đây?
A. Hội sinh. B. Kí sinh.
C. Sinh vật ăn sinh vật khác. D. Cạnh tranh.

Câu 51: Địa y sống bám trên cành cây. Giữa địa y và cây có mối quan hệ theo kiểu nào dưới đây?
A. Hội sinh. B. Cộng sinh.
C. Kí sinh. D. Nửa kí sinh.

Câu 52: Khi có gió bão, thực vật sống thành nhóm có lợi gì so với sống riêng rẽ?
A. Làm tăng thêm sức thổi của gió.
B. Làm tăng thêm sự xói mòn của đất.
C. Làm cho tốc độ gió thổi dừng lại, cây không bị đổ.
D. Giảm bớt sức thổi của gió, hạn chế sự đổ của cây.

Câu 53: Các cá thể cùng loài sống với nhau thành một nhóm trong cùng một khu vực có thể

cạnh tranh nhau gay gắt, dẫn tới một số cá thể có thể tách ra khỏi nhóm trong hoàn cảnh nào dưới đây?

- A. Khi môi trường cạn kiệt nguồn thức ăn, nơi ở quá chật chội.
- B. Khi gặp kẻ thù xâm lấn lãnh địa.
- C. Khi có gió bão.
- D. Khi có dịch bệnh.

Câu 54: Con hổ và con thỏ trong rừng có thể có mối quan hệ trực tiếp nào sau đây:

- A. cạnh tranh về thức ăn và nơi ở.
- B. cộng sinh.
- C. vật ăn thịt và con mồi.
- D. kí sinh.

Câu 55: Cỏ dại thường mọc lẫn với lúa trên cánh đồng làm cho năng suất lúa bị giảm đi, giữa cỏ dại và lúa có mối quan hệ theo kiểu nào dưới đây:

- A. cộng sinh.
- B. hội sinh.
- C. cạnh tranh.
- D. kí sinh

Câu 56: Quan hệ nào sau đây là quan hệ cộng sinh?

- A. Vi khuẩn trong nốt sần rễ cây họ đậu.
- B. Địa y bám trên cành cây.
- C. Giun đũa sống trong ruột người.
- D. Cây nắp ấm bắt côn trùng.

Câu 57: Cá ép bám vào rùa biển hoặc cá lớn, nhờ đó được rùa và cá lớn đưa đi xa. Cá ép, rùa biển và cá lớn có mối quan hệ nào dưới đây?

- A. Cộng sinh.
- B. Ký sinh.
- C. Nửa kí sinh.
- D. Hội sinh.

NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN GDCD

(Từ ngày 16/3/2020 – 23/3/2020)

Năm học: 2019 – 2020

I. Trắc nghiệm

Câu 1: Biểu hiện nào sau đây không phải là chí công vô tư?

- A. Trong đợt bình xét thi đua cuối năm, lan cho rằng chỉ nên bầu những người đã đủ chỉ tiêu đề ra.
- B. Là lớp trưởng, Quân thường bỏ qua khuyết điểm đối với những bạn chơi thân với mình.
- C. Để chân chính nề nếp kỉ luật trong xí nghiệp, theo ông Đinh cần xử lí nghiêm những trường hợp vi phạm.
- D. Lan là học sinh giỏi và luôn tích cực tham gia các hoạt động chung của lớp.

Câu 2: Người có đức tính tự chủ là người

- A. Làm chủ bản thân, làm chủ được suy nghĩ, hành vi và tình cảm của mình.
- B. Hay nóng nảy, cáu gắt mỗi khi người khác góp ý, phê bình.
- C. Không bao giờ chú ý đến đối tượng và hoàn cảnh giao tiếp.
- D. Không làm chủ được bản thân mỗi khi bị bạn bè xấu rủ rê.

Câu 3: Biểu hiện nào sau đây là biểu hiện của tính tự chủ ?

- A. Luôn luôn hành động theo ý mình, không nghe ý kiến của người khác.
- B. Sống đơn độc, khép kín.
- C. Tự quyết định công việc của mình, không bị hoàn cảnh chi phối.
- D. Dễ bị người khác lôi kéo làm theo họ.

Câu 4: Hành vi nào sau đây thực hiện tốt dân chủ và kỉ luật ?

- A. Chăm chú lắng nghe thầy cô giảng và phát biểu ý kiến xây dựng bài.
- B. Nói tự do, nói để lời thầy cô khi thầy cô đang giảng bài.
- C. Lớp trưởng tự đề ra kế hoạch thu tiền của các bạn học sinh trong lớp để gây quỹ.
- D. Tranh nhau để phát biểu ý kiến trong các cuộc họp lớp.

Câu 5: Trong buổi sinh hoạt lớp, dưới sự điều khiển của lớp trưởng, các bạn lớp 9B đã sôi nổi thảo luận đề xuất các biện pháp xây dựng phong trào thi đua.

Hỏi lớp 9B đã thực hiện tốt nội dung nào sau đây?

- A. Đoàn kết, tương trợ.
- B. Yêu thương con người.
- C. Dân chủ và kỉ luật.
- D. Tôn trọng người khác

Câu 6: Hành vi nào sau đây biểu hiện lòng yêu hòa bình trong cuộc sống hàng ngày?

- A. Dùng vũ lực để giải quyết mâu thuẫn cá nhân.
- B. Học hỏi những điều hay của người khác.
- C. Dùng vũ lực để giải quyết mâu thuẫn cá nhân.
- D. Bắt mọi người phải phục tùng theo ý muốn của mình.

Câu 7: Câu ca dao dưới muốn nói lên điều gì?

*“Quan sơn muôn dặm một nhà
Bốn phương vô sản đều là anh em”*

- A. Tính dân chủ kỉ luật.
- B. Tình hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới.
- C. Sự tôn trọng hòa bình.
- D. Tính chí công vô tư.

Câu 8: Trường em phát động cuộc thi vẽ tranh về tình bạn giữa nhân dân ta và nhân dân Cu ba. Các bạn học sinh đã có rất nhiều bức tranh đẹp về tình cảm giữa hai dân tộc anh em. Em có nhận xét gì về việc làm của các bạn?

- A. Thể hiện lòng yêu thương con người với nhân dân Cu ba.
- B. Tình bạn bè thân thiện giữa nhân dân ta với nhân dân Cu ba.
- C. Tình đoàn kết tương trợ giữa hai nước.
- D. Sự tôn trọng và học hỏi dân tộc khác.

Câu 9: Nội dung nào sau đây không phải là nguyên tắc hợp tác quốc tế của Đảng và Nhà nước ta?

- A. Tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau.

- B. Bình đẳng, cùng có lợi.
- C. Can thiệp vào công việc nội bộ, dùng vũ lực giải quyết mâu thuẫn.
- D. Giải quyết các bất đồng và tranh chấp bằng thương lượng hòa bình.

Câu 10: Cầu Mỹ thuận, biểu tượng của sự hợp tác giữa Việt Nam và Ostraylia. Em hãy cho biết sự hợp tác đó trên lĩnh vực nào?

- A. Công nghệ thông tin.
- B. Giáo dục văn hóa.
- C. Giao thông vận tải.
- D. Khoa học quân sự

Câu 11: An thường tâm sự với các bạn: “Tớ thấy nước mình thường hay hợp tác với các nước XHCN, còn các nước tư bản phát triển trên thế giới thì không chú trọng hợp tác nên mãi nghèo...”

Em sẽ chọn cách nào dưới đây để giải thích cho An hiểu?

- A. Nước ta chưa chú trọng vấn đề hợp tác quốc tế, vẫn tồn tại cơ chế đóng cửa trong quan hệ hợp tác.
- B. Nhà nước chú trọng các đối tác truyền thống lâu đời để phát triển KHKT.
- C. Hợp tác để đẩy lùi những vấn đề như: Sự bùng nổ dân số, khắc khục đói nghèo...
- D. Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng việc hợp tác với các nước XHCN, các nước trong khu vực và trên thế giới.

Câu 12: Truyền thống tốt đẹp của dân tộc là

- A. Những cách ứng xử phổ biến hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài của dân tộc, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.
- B. Những tư tưởng, đức tính hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài của dân tộc, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.
- C. Những đức tính, lối sống hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài của dân tộc, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.
- D. Những giá trị tinh thần hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài của dân tộc, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Câu 13 : Việc làm nào dưới đây không phải là sự kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc?

- A. Tham gia các lễ hội truyền thống.
- B. Xem bói để biết trước các sự việc sẽ xảy ra, tránh điều xấu.
- C. Thờ cúng tổ tiên.
- D. Đi thăm các đền chùa, các di tích.

Câu 14: Trên đường đi học về Nam bàn với Nga; Nga à, mai là ngày 20-11 tớ với bạn đến thăm thầy Tuấn dạy mình hồi cấp I nhé. Theo em việc làm của hai bạn thể hiện truyền thống tốt đẹp nào?

- A. Truyền thống tôn sư trọng đạo.
- B. Truyền thống đoàn kết.
- C. Truyền thống nhân nghĩa.
- D. Truyền thống hiếu thảo.

Câu 15: Để trở thành người năng động, sáng tạo chúng ta cần làm gì?

- A. Luôn làm theo những điều mình thích.
- B. Chỉ cần làm theo những điều người khác chỉ bảo.
- C. Say mê, tìm tòi, phát hiện và linh hoạt xử lí các tình huống.
- D. Say mê trong nghiên cứu khoa học.

Câu 16: Trong những hành vi dưới đây hành vi nào thể hiện tính năng động sáng tạo?

- A. Dám làm những việc khó khăn mà người khác né tránh.
- B. Biết suy nghĩ để tìm ra nhiều cách giải quyết khác nhau trong học tập và trong công việc.
- C. Chỉ làm theo những điều đã được hướng dẫn, chỉ bảo.
- D. Dám làm mọi việc để đạt được mục đích của mình.

Câu 17: Khi tìm hiểu bất cứ vấn đề gì, Minh thường đặt câu hỏi " vì sao" và trao đổi lại với thầy cô, bạn bè hoặc tìm đọc thêm những sách, báo có liên quan để tìm lời giải đáp. Theo em việc làm của Minh thể hiện phẩm chất gì trong các phẩm chất sau?

- A. Siêng năng, kiên trì.
- B. Năng động, sáng tạo.
- C. Yêu thương con người.

D. Đoàn kết, tương trợ.

Câu 18: Làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả là

- A. Tranh thủ thời gian làm việc mọi lúc, mọi nơi để đạt kết quả cao.
- B. Tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị cao về nội dung và hình thức trong một thời gian nhất định.
- C. Tạo ra nhiều giá trị về vật chất và tinh thần cho mọi người.
- D. Tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị cao về hình thức.

Câu 19: Theo em, trong các yếu tố sau yếu tố nào là quan trọng nhất để làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả?

- A. Tích cực nâng cao tay nghề.
- B. Rèn luyện sức khỏe.
- C. Lao động tự giác, có kỉ luật.
- D. Luôn năng động, sáng tạo.

Câu 20 : Hà thường sắp xếp thời gian và kế hoạch học tập một cách hợp lí, vì vậy đã đạt được kết quả cao trong học tập. Theo em Hà đã có phẩm chất nào sau đây?

- A. Làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả.
- B. Siêng năng, kiên trì.
- C. Tôn trọng lễ phải.
- D. Trung thực.

Câu 21 : Em hiểu thế nào là lí tưởng sống?

- A. Lí tưởng sống là nhiệm vụ của mỗi người phải thực hiện trong tương lai.
- B. Lí tưởng sống là cái đích của cuộc sống mà mỗi người khát khao muốn đạt được.
- C. Lí tưởng sống là phải sống sao cho khỏi xót xa, ân hận vì những năm tháng đã sống hoài sống phí.
- D. Lí tưởng sống là luôn suy nghĩ, hành động không mệt mỏi để thực hiện mục đích đặt ra.

Câu 22: Trong những nội dung sau đây nội dung nào biểu hiện lí tưởng sống cao đẹp đúng đắn của thanh niên?

- A. Luôn mong muốn làm giàu bằng mọi cách.
- B. Luôn học tập, rèn luyện, phấn đấu vì bản thân mình.
- C. Luôn học tập , rèn luyện vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.
- D. Không có kế hoạch phấn đấu, rèn luyện bản thân.

Câu 23. Trong các hành động sau đây, hành động thể hiện tính kỉ luật là

- A. Theo bạn xấu rủ rê trốn học.
- B. Ngồi học không nói chuyện riêng.
- C. Đi học trễ vì mãi xem phim.
- D. Không tuân theo kế hoạch của lớp.

Câu 24. Hành vi thể hiện lòng yêu hòa bình là

- A. Sẵn sàng gây gổ với bất kì ai mình không thích
- B. Không tiếp chuyện với người lạ khi họ có điều muốn hỏi.
- C. Phân biệt đối xử giữa các dân tộc, giữa các tôn giáo khác nhau.
- D. Ứng xử thân thiện với người nước ngoài đến Việt Nam.

Câu 25. Chí công vô tư là

- A. Giải quyết công việc theo lẽ phải.
- B. Giải quyết công việc theo cảm tính.
- C. Giải quyết công việc theo số đông.
- D. Giải quyết công việc theo tình cảm

Câu 26. Hành vi thể hiện tính dân chủ là

- A. Áp đặt suy nghĩ của mình cho người khác.
- B. Tiếp thu ý kiến của người dân.
- C. Bắt người khác phục tùng mình.
- D. Cấp trên ra lệnh cho cấp dưới quyền

Câu 27. Em hãy cho biết hành vi nào sau đây biểu hiện tình yêu hòa bình ?

- A. Dùng vũ lực để giải quyết các mâu thuẫn cá nhân.
- B. Bắt mọi người phải phục tùng ý muốn của mình.
- C. Giao lưu với thanh, thiếu niên quốc tế.

Câu 28. Tình hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới là?

- A. Quan hệ anh em với các nước trên thế giới.
- B. Quan hệ bạn bè với các nước láng giềng.
- C. Quan hệ bạn bè thân thiện giữa nước này với nước khác.
- D. Mối quan hệ phụ thuộc của nước nhỏ với nước lớn.

Câu 29. Hành vi nào sau đây là tự chủ?

- A. Cân nhắc cẩn thận trước khi làm mọi việc
- B. Luôn nghe theo ý kiến của mọi người, không có quan điểm riêng.
- C. Chỉ nhìn ngoại hình để đánh giá người khác.
- D. Nóng nảy, vội vàng trong mọi hành động, lời nói.

Câu 30. Hành vi nào dưới đây là không tự chủ ?

- A. Suy nghĩ cẩn thận trước ý kiến góp ý của người khác
- B. Dễ nản lòng khi gặp khó khăn
- C. Bình tĩnh suy xét sự việc trước khi đưa ra ý kiến
- D. Ôn hòa, từ tốn trong giao tiếp với người khác.

Câu 31: Em tán thành ý kiến nào dưới đây về chí công vô tư ?

- A. Chỉ những người có chức, có quyền mới cần chí công vô tư
- B. Người sống chí công vô tư chỉ thiệt cho mình.
- C. Học sinh còn nhỏ không cần phải rèn chí công vô tư.
- D. Chí công vô tư thể hiện ở cả lời nói và việc làm.

Câu 32: Hành vi nào sau đây thể hiện lòng yêu hòa bình trong cuộc sống hàng ngày ?

- A. Biết lắng nghe ý kiến của người khác.
- B. Dùng vũ lực để giải quyết các mâu thuẫn cá nhân.
- C. Bắt mọi người phải phục tùng ý kiến của mình.
- D. Phân biệt đối xử giữa các dân tộc, các màu da.

Câu 33: Việc làm nào dưới đây thể hiện tính dân chủ ?

- A. Nhà trường tổ chức cho học sinh học tập nội quy đầu năm học
- B. Ông An trưởng thôn quyết định mỗi gia đình nộp 50.000 làm quỹ từ thiện
- C. Trong buổi sinh hoạt lớp mọi người tích cực phát biểu ý kiến.
- D. Trong trận đấu bóng, các cầu thủ xô xát, không theo quyết định của trọng tài.

Câu 34: Mai mở tài liệu trong kì thi học kì II, việc làm của Mai là

- A. Vi phạm pháp luật dân sự
- B. Vi phạm kỉ luật
- C. Vi phạm pháp luật hình sự
- D. Vi phạm pháp luật hành chính.

Câu 35: Cho biết biểu hiện nào dưới đây là biểu hiện của tính tự chủ ?

- A. Luôn luôn hành động theo ý mình, không nghe ý kiến của người khác.
- B. Sống đơn độc, khép kín.
- C. Tự quyết định công việc của mình trong mọi hoàn cảnh.
- D. Dễ bị lôi kéo làm theo người khác.

Câu 36: Cho biết hành vi nào dưới đây là hành vi thực hiện tốt dân chủ và kỉ luật.

- A. Trong giờ học, Bình luôn chăm chú lắng nghe giảng và phát biểu ý kiến xây dựng bài.
- B. Nam hay nói tự do, nói để lời khi thầy cô đang giảng bài.
- C. Tuấn là lớp trưởng, Tuấn tự đề ra kế hoạch thu tiền của các bạn trong lớp để gây quỹ lớp.
- D. Trong buổi thảo luận chủ đề về học tập, các bạn lớp 9A hăng hái tranh nhau phát biểu ý kiến.

Câu 37: Cho biết biểu hiện nào dưới đây là thể hiện của sự hợp tác cùng phát triển ?

- A. Hợp tác với nhau để cùng chống lại một số người.
- B. Hợp tác với người khác chỉ nhằm để đạt được mục đích của mình.
- C. Cùng nhau nghiên cứu tìm ra thuốc đặc trị để chữa bệnh hiểm nghèo.
- D. Liên kết với nhau để khai thác gỗ trái phép và chống lại kiểm lâm.

Câu 38. Cho biết hành vi nào dưới đây thể hiện sự năng động, sáng tạo trong công việc ?

- A. Làm theo những gì đã được hướng dẫn để đỡ mất công.
- B. Suy nghĩ để tìm ra các cách làm mới, nhanh hơn, tốt hơn.
- C. Tự làm theo ý thích riêng của mình, không cần tính toán kĩ.
- D. Tìm cách hoàn thành công việc cho nhanh, không quan tâm đến chất lượng và hiệu quả công việc.

Câu 39: Bảo vệ hòa bình, ngăn chặn chiến tranh là trách nhiệm của ai?

- A. Công an.
- B. Bộ đội.
- C. Học sinh.
- D. Toàn nhân loại.

Câu 40: Câu tục ngữ nào sau đây thể hiện tự chủ?

- A. Cả bè hơn cây nứa.
- B. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.

C. Tốt gỗ hơn tốt nước sơn.

D. Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo.

II. Bài tập

Bài tập 1: Bình nhặt được một túi xách nhỏ trong đó có tiền, giấy CMND mang tên Hoàng Văn Trung và các giấy tờ khác . Do đánh mất tiền đóng học phí, Bình đã vứt giấy CMND và các giấy tờ, chỉ giữ lại tiền .

a. Bình hành động như vậy là đúng hay sai ? Vì sao ?

b. Nếu em là Bình em sẽ hành động như thế nào ?

Bài tập 2: Khẩu hiệu hành động của mọi công dân Việt nam là “ *Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật*” bằng hiệu biết của mình ,em hãy làm rõ:

a. Hiến pháp là gì?

b. Pháp luật là gì ?

c. Vì sao phải sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật?

d. Trách nhiệm của bản thân em trong việc thực hiện khẩu hiệu trên như thế nào ?

Bài tập 3: “*Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương trong sáng tuyệt vời của một con người đã giành trọn đời mình cho quyền lợi của dân tộc, của đất nước và cho hạnh phúc của nhân dân*”.

Nhận xét trên nói lên phẩm chất nào của Bác, trình bày hiệu biết của em về phẩm chất đó?

NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN VẬT LÝ 9

(Từ ngày 16/3 – 22/3/2020)

Năm học: 2019 - 2020

I. LÝ THUYẾT

Chương I: Điện học

II. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Một bóng đèn khi thắp sáng có điện trở 15Ω và cường độ dòng điện chạy qua dây tóc bóng đèn là $0,3\text{ A}$. Hiệu điện thế giữa hai đầu dây tóc bóng đèn khi đó là bao nhiêu?

- A. $U = 5\text{ V}$ B. $U = 15,3\text{ V}$ C. $U = 4,5\text{ V}$ D. Một giá trị khác

Câu 2: Trong đoạn mạch mắc nối tiếp, công thức nào sau đây là sai?

- A. $U = U_1 + U_2 + \dots + U_n$ B. $I = I_1 = I_2 = \dots = I_n$.
C. $R = R_1 = R_2 = \dots = R_n$ D. $R = R_1 + R_2 + \dots + R_n$

Câu 3: Điều nào sau đây là đúng khi nói về công suất của dòng điện?

- A. Công suất của dòng điện là đại lượng đặc trưng cho tốc độ sinh công của dòng điện.
B. Công suất của dòng điện được đo bằng công của dòng điện thực hiện được trong một giây.
C. Công suất của dòng điện trong 1 đoạn mạch bằng tích hiệu điện thế giữa hai đầu đoạn mạch với cường độ với cường độ dòng điện chạy trong đoạn mạch đó.
D. Cả ba phát biểu đều đúng.

Câu 4: Hãy chọn biểu thức đúng trong các biểu thức sau đây để có thể dùng để tính nhiệt lượng toả ra trên dây dẫn khi có dòng điện chạy qua.

- A. $Q = I^2.R.t$ B. $Q = \frac{U^2.t}{R}$
C. $Q = U.I.t$ D. Cả ba công thức đều đúng.

Câu 5: Khi hiệu điện thế đặt vào giữa hai đầu dây dẫn tăng hay giảm bao nhiêu lần thì cường độ dòng điện qua dây dẫn đó thay đổi như thế nào?

- A. Không thay đổi. B. Giảm hay tăng bấy nhiêu lần.
C. Tăng hay giảm bấy nhiêu lần. D. Không thể xác định chính xác được.

Câu 6: Hiệu điện thế $U = 10\text{ V}$ được đặt vào giữa hai đầu một điện trở có giá trị $R = 25\Omega$. Cường độ dòng điện chạy qua điện trở nhận giá trị nào sau đây là đúng?

- A. $I = 2,5\text{ A}$ B. $I = 0,4\text{ A}$ C. $I = 15\text{ A}$ D. $I = 35\text{ A}$

Câu 7: Trong các công thức sau đây, công thức nào **không** phù hợp với đoạn mạch mắc song song?

- A. $I = I_1 + I_2 + \dots + I_n$ B. $U = U_1 = U_2 = \dots = U_n$.
C. $R = R_1 + R_2 + \dots + R_n$. D. $\frac{1}{R} = \frac{1}{R_1} + \frac{1}{R_2} + \dots + \frac{1}{R_n}$

Câu 8: Trong các đơn vị sau đây, đơn vị nào **không** phải là đơn vị của công?

- A. Jun (J) B. W.s C. KW.h D. V.A

Câu 9: Phát biểu nào sau đây là đúng với nội dung của định luật Ôm?

- A. Cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn tỉ lệ thuận với hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây dẫn, với điện trở của mỗi dây.
B. Cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn tỉ lệ nghịch với hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây dẫn và tỉ lệ thuận với điện trở của mỗi dây.
C. Cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn tỉ lệ thuận với hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây dẫn và tỉ lệ nghịch với điện trở của mỗi dây.
D. Cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn không phụ thuộc vào hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây dẫn và điện trở của mỗi dây.

Câu 10: Hãy chọn công thức đúng trong các công thức dưới đây mà cho phép xác định công của dòng điện sản ra trong một đoạn mạch.

- A. $A = U.I^2.t$ B. $A = U^2.I.t$ C. $A = U.I.t$ D. $A = R^2.I.t$

Câu 11: Chọn công thức **sai** trong các công thức dưới đây:

A. $I = \frac{U}{R}$ B. $R = \frac{U}{I}$ C. $I = U.R$ D. $U = I.R$

Câu 12: Phát biểu nào sau đây **không** đúng khi nói về sự phụ thuộc của điện trở dây dẫn?

- A. Điện trở dây dẫn tỉ lệ thuận với chiều dài của dây.
- B. Điện trở dây dẫn tỉ lệ nghịch với tiết diện của dây.
- C. Điện trở dây dẫn phụ thuộc vào nhiệt độ.
- D. Điện trở dây dẫn không phụ thuộc vào bản chất của dây.

Câu 13: Khi dịch chuyển con chạy hoặc tay quay của biến trở, đại lượng nào sau đây sẽ thay đổi theo?

- A. Tiết diện dây dẫn của biến trở.
- B. Điện trở suất của chất làm dây dẫn của biến trở.
- C. Chiều dài dây dẫn của biến trở.
- D. Nhiệt độ của biến trở.

Câu 14: Công thức nào sau đây cho phép xác định điện trở một dây dẫn hình trụ đồng chất?

A. $R = \rho \cdot \frac{l}{S}$ B. $R = \rho \cdot \frac{S}{l}$
C. $R = l \cdot \frac{S}{\rho}$ D. Một công thức khác.

Câu 15: Điều nào sau đây là đúng khi nói về biến trở?

- A. Biến trở dùng để điều chỉnh nhiệt độ của điện trở trong mạch.
- B. Biến trở dùng để điều chỉnh hiệu điện thế trong mạch.
- C. Biến trở dùng để điều chỉnh cường độ dòng điện trong mạch.
- D. Biến trở dùng để điều chỉnh chiều dòng điện trong mạch.

Câu 16: Trong các công thức tính công suất sau đây. Hãy chọn công thức **sai**?

A. $P = A \cdot t$ B. $P = \frac{A}{t}$ C. $P = U.I$ D. $P = I^2.R$

Câu 17: Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về điện năng?

- A. Dòng điện có mang năng lượng, năng lượng đó gọi là điện năng.
- B. Điện năng có thể chuyển hoá thành nhiệt năng.
- C. Điện năng có thể chuyển hoá thành hoá năng và cơ năng.
- D. Các phát biểu a, b, c đều đúng.

Câu 18: Cho hai điện trở $R_1 = 20 \Omega$, $R_2 = 30 \Omega$ được mắc song song với nhau. Điện trở tương đương R của đoạn mạch đó là:

A. 10Ω B. 50Ω C. 60Ω D. 12Ω

Câu 19: Trên một biến trở con chạy có ghi $100 \Omega - 2A$. Hiệu điện thế lớn nhất được phép đặt lên hai đầu dây cố định của biến trở có thể nhận giá trị nào trong các giá trị sau:

A. $200 V$ B. $50 V$ C. $98 V$ D. Một giá trị

khác.

Câu 20: Khi mắc một bóng đèn vào hiệu điện thế $3V$ thì dòng điện chạy qua nó có cường độ $0,2A$. Công suất tiêu thụ của bóng đèn này là:

A. $0,6 J$ B. $0,6W$ C. $15W$ D. Một giá trị

khác.

Câu 21: Đặt một hiệu điện thế $U = 12V$ vào hai đầu một điện trở. Cường độ dòng điện chạy qua điện trở là $2A$. Nếu tăng hiệu điện thế lên $1,5$ lần thì cường độ dòng điện là:

A. $3A$ B. $1A$ C. $0,5A$ D. $0,25A$

Câu 22: Nếu tăng chiều dài dây dẫn lên n lần thì điện trở:

A. Tăng n lần. B. Giảm n lần. C. Tăng $2n$ lần. D. Giảm n^2 lần.

Câu 23: Nếu bạc có điện trở suất là $1,6 \cdot 10^{-8} \Omega.m$ thì:

A. Một khối bạc hình trụ, chiều dài $1m$, tiết diện $1m^2$ thì có điện trở $1,6 \cdot 10^{-8} \Omega$.

- B. Một khối bạc hình trụ, chiều dài 2m, tiết diện 2m^2 thì có điện trở $3,2 \cdot 10^{-8} \Omega$.
 C. Một khối bạc hình trụ, chiều dài 1m, tiết diện $0,5\text{m}^2$ thì có điện trở $1,6 \cdot 10^{-8} \Omega$.
 D. Tất cả các phát biểu trên đều đúng.

Câu 24: Trong số các bóng đèn sau, bóng nào sáng mạnh nhất?

- A. 220V-25W B. 110V-150W C. 40V-100W D. 110V-100W

Câu 25: Phép biến đổi đơn vị nào là **không** đúng?

- A. $1\text{kW} = 1000\text{W} = 0,001\text{MW}$ B. $1\text{MW} = 10^3\text{kW} = 10^6\text{W}$
 C. $10^3\text{W} = 1\text{kW} = 1000\text{W}$ D. $1\text{W} = 10^{-3}\text{kW} = 10^{-7}\text{MW}$

Câu 26: Trong các loại thiết bị sau, thiết bị (linh kiện) nào có công suất nhỏ nhất?

- A. Đèn LED. B. Đèn pha ô tô. C. Đèn pin. D. Tivi.

Câu 27: Sở dĩ ta nói dòng điện có năng lượng vì:

- A. Dòng điện có thể thực hiện công cơ học, làm quay các động cơ.
 B. Dòng điện có tác dụng nhiệt, có thể đun sôi nước.
 C. Dòng điện có tác dụng phát sáng.
 D. Tất cả các nội dung a, b, c

Câu 28: Đơn vị đo công của dòng điện là:

- A. Jun.(J). B. Kilojun (KJ)
 C. Kiloát.giờ.(KW.h) D. Tất cả các đơn vị trên

Câu 29: Chọn phép biến đổi đúng.

- A. $1\text{J} = 0,24\text{ cal}$. B. $1\text{ cal} = 0,24\text{J}$ C. $1\text{J} = 4,18\text{ cal}$. D. $1\text{ cal} = 4,6\text{J}$.

Câu 30: Tình huống nào sau đây **không** làm người bị điện giật?

- A. Tiếp xúc với dây điện bị bong lớp cách điện.
 B. Thay bóng đèn nhưng không ngắt cầu chì.
 C. Hai tay tiếp xúc với hai cực của bình ắc quy xe gắn máy.
 D. Đi chân đất khi sửa chữa điện.

Câu 31: Để tránh điện giật, cần thực hiện các biện pháp nào sau đây?

- A. Vô máy các thiết bị luôn nối đất. B. Thay dây dẫn điện đã quá cũ.
 C. Dùng cầu dao chống điện giật. D. Tất cả các biện pháp trên.

Câu 32: Hai điện trở mắc nối tiếp nhau. Hiệu điện thế ở hai đầu các điện trở lần lượt là U_1 và U_2 . Cho biết hệ thức nào sau đây đúng?

- A. $\frac{U_2}{R_1} = \frac{U_1}{R_2}$ B. $\frac{R_1}{U_2} = \frac{R_2}{U_1}$ C. $U_1 \cdot R_1 = U_2 \cdot R_2$. D. $\frac{U_1}{R_1} = \frac{U_2}{R_2}$

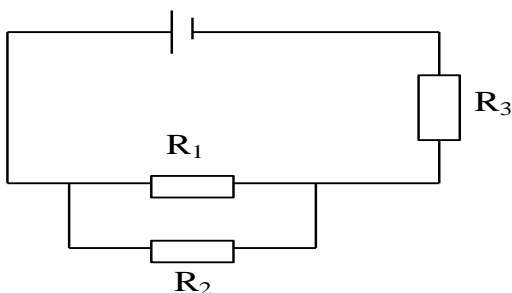
Câu 33: Nếu mắc hai điện trở song song $R_1 = 6\Omega$ và $R_2 = 12\Omega$ ta được một điện trở tương đương có giá trị:

- A. Nhỏ hơn 6Ω . B. Nhỏ hơn 12Ω . C. Lớn hơn 6Ω . D. Lớn hơn 12Ω .

Câu 34: Tăng chiều dài dây dẫn lên n lần thì phải tăng hay giảm tiết diện đi bao nhiêu lần để điện trở giữ không đổi

- A. Tăng n lần. B. Tăng n^2 lần. C. Giảm 2n lần. D. Giảm n^2 lần.

Câu 35: Cho biết $R_1 = 6\Omega$, $R_2 = 3\Omega$, $R_3 = 1\Omega$. Điện trở tương đương của mạch điện ở hình trên có trị số là:



A. 8Ω

B. 10Ω

C. 3Ω

D. 4Ω

Câu 36: Một biến trở gồm một dây dẫn có giá trị từ 0 đến 100. Để thay đổi giá trị của biến trở, người ta thường thay đổi:

A. Chiều dài dây. B. Tiết diện dây. C. Vật liệu dây D. Nhiệt độ dây dẫn.

Câu 37: Dòng điện đi từ dây dẫn đến bóng đèn. Bóng đèn sáng lên, toả nhiều nhiệt hơn trên dây dẫn. Lí do:

A. Cường độ dòng điện qua dây tóc bóng đèn lớn hơn qua dây dẫn.

B. Điện trở của dây tóc bóng đèn lớn hơn điện trở của dây dẫn.

C. Chiều dài dây tóc bóng đèn lớn hơn chiều dài dây dẫn.

D. Điện trở suất của vật liệu làm dây tóc bóng đèn nhỏ hơn điện trở suất của dây dẫn.

Câu 38: Điện trở của một vật **không phụ thuộc** vào:

A. Tiết diện thẳng của vật.

B. Điện trở suất của vật.

C. Khối lượng riêng của vật.

D. Chiều dài của vật.

Câu 39: Cần kết hợp tiết diện S và chiều dài L của vật dẫn như thế nào để có điện trở nhỏ nhất?

A. L và S.

B. $2L$ và $\frac{S}{2}$.

C. $\frac{L}{2}$ và $2S$.

D. $2L$ và S.

Câu 40: Giảm bán kính dây dẫn 2 lần thì điện trở:

A. Tăng 2 lần.

B. Tăng 4 lần.

C. Giảm 2 lần.

D. Giảm 4 lần.

PHIẾU ÔN TẬP TOÁN 9 TỪ NGÀY 16/3-22/3

A. PHẦN ĐẠI SỐ

Bài 1: Giải hệ phương trình

$$1/ \begin{cases} 2x + 5y = 3 \\ 3x - 2y = 14 \end{cases}$$

$$2/ \begin{cases} 3x + 4y = 4 \\ 5x - 6y = 13 \end{cases}$$

$$3/ \begin{cases} x\sqrt{3} + 2y = -1 \\ x - y\sqrt{3} = 0 \end{cases}$$

$$4/ \begin{cases} \frac{4}{x} + \frac{3}{y} = -1 \\ \frac{3}{x} - \frac{2}{y} = 5 \end{cases}$$

Bài 2: Cho hàm số $y = f(x) = (m+1)x - 2$ có đồ thị là (d)

- Tìm m biết rằng đồ thị (d) của hàm số đi qua A(-2;0)
- Nêu tính chất và vẽ đồ thị hàm số với m tìm được ở câu a.
- Viết phương trình đường thẳng đi qua B(-1;1) và vuông góc với (d) nói trên

Bài 3: Cho các đường thẳng: $2x + y = 1$ (d_1) và $x - y = 2$ (d_2)

- Vẽ trên cùng hệ trục tọa độ 2 đường thẳng (d_1) và (d_2) và tìm giao điểm của 2 đường thẳng nếu có. Sau đó dùng phép tính để kiểm tra kết quả
- Viết phương trình đường thẳng song song với (d_1) và cắt (d_2) tại A(2;0)

Bài 4: Viết phương trình đường thẳng:

- Đi qua A(2;5) và B(-1;2)
- Đi qua C(3;3) và cắt đường thẳng $y = 2x - 6$ tại 1 điểm trên trục tung.
- Đi qua D($\frac{1}{3}$; 3) và song song với đường thẳng $x + y = 0$
- Đi qua M(2;-1) và có hệ số góc là -3
- Cắt trục hoành tại điểm có hoành độ là -2 và cắt trục tung tại điểm có tung độ bằng 4

Bài 5: Cho 3 đường thẳng: (d_1): $y = 2x + 1$; (d_2): $y = -x - 2$ và (d_3): $y = (m-1)x - 4$
Tìm m để 3 đường thẳng trên đồng qui.

Bài 6: Tìm giá trị a để hệ phương trình:
$$\begin{cases} x + 2y = 5 \\ ax + 3y = a \end{cases}$$

- Có một nghiệm duy nhất
- Vô nghiệm

Bài 7: Cho hệ phương trình:
$$\begin{cases} 2x - y = 1 \\ mx + 3y = 5 \end{cases}$$

Tìm giá trị của m để hệ phương trình có nghiệm dương.

Bài 8: Tìm giá trị m để hệ phương trình sau có nghiệm âm:
$$\begin{cases} 3x - 6y = 1 \\ 5x - my = 2 \end{cases}$$

Bài 9: Một người đi đoạn AB với vận tốc 12km/h, rồi đi đoạn BC với vận tốc 6km/h hết 1 giờ 15 phút. Lúc về người đó đi đoạn CB với vận tốc 8km/h rồi đi đoạn BA với vận tốc 4km/h hết 1 giờ 30 phút. Tính chiều dài đoạn đường AB, BC.

Bài 10: Một hình chữ nhật có chu vi 216m. Nếu giảm chiều dài đi 20%, tăng chiều rộng thêm 25% thì chu vi hình chữ nhật không đổi. Tính chiều dài và chiều rộng của hình chữ nhật.

Bài 11: Một trạm bơm chạy 5 máy bơm lớn và 4 máy bơm nhỏ, tiêu thụ hết 920 lít xăng. Biết rằng mỗi máy bơm lớn tiêu thụ nhiều hơn mỗi máy bơm nhỏ là 40 lít. Tính số xăng mà mỗi máy bơm từng loại tiêu thụ.

Bài 12: Cho một số tự nhiên có 2 chữ số, tổng các chữ số bằng 8, nếu đổi vị trí 2 chữ số cho nhau thì được số mới nhỏ hơn số ban đầu là 36 đơn vị. Tìm số đã cho?

Bài 13 : Hai công nhân làm chung một công việc thì mất 40 giờ. Nếu người thứ nhất làm 5 giờ và người thứ hai làm 6 giờ thì chỉ hoàn thành $\frac{2}{15}$ công việc. Hỏi nếu mỗi người làm riêng thì phải mất bao nhiêu thời gian mới hoàn thành công việc ?

Bài 14: Một ca nô xuôi dòng một quãng sông dài 12km rồi trở về mất 2 giờ 30 phút. Nếu cũng trên quãng sông đó ca nô xuôi dòng 4 km rồi ngược dòng 8 km thì hết 1 giờ 20 phút. Tính vận tốc riêng của ca nô và vận tốc riêng của dòng nước?

Bài 15: Một ca nô đi xuôi dòng 44km rồi ngược dòng 27 km hết tất cả 3giờ 30 phút. Tính vận tốc của ca nô biết vận tốc của dòng nước là 2 km/h.

B. PHẦN HÌNH HỌC

Bài 1: Cho đường tròn (O) đường kính BC = 2R. Gọi A là một điểm trên đường tròn (O)

khác B và C. Đường phân giác của góc BAC cắt BC tại D và cắt đường tròn tại M.

a) Chứng minh MB = MC và $OM \perp BC$

b) Cho $\angle ABC = 60^\circ$. Tính DC theo R.

Bài 2: Cho đường tròn (O) đường kính AB. Vẽ dây CD vuông góc với đường kính AB tại H. Gọi M là điểm chính giữa cung nhỏ CB, I là giao điểm của CB và OM. Chứng minh:

a. MA là tia phân giác $\angle CMD$

b. Bốn điểm O, H, C, I cùng nằm trên một đường tròn.

c. Đường vuông góc vẽ từ M đến AC cũng là tiếp tuyến của đường tròn (O) tại M.

Bài 3: Cho tam giác ABC có ba góc nhọn nội tiếp (O ; R). Phân giác của $\angle ABC$ và $\angle ACB$ cắt đường tròn (O) lần lượt tại E và F.

a/ Chứng minh $OF \perp AB$ và $OE \perp AC$

b/ Gọi M là giao điểm của OF và AB; N là giao điểm của OE và AC. Chứng minh tứ giác AMON nội tiếp. Xác định tâm của đường tròn ngoại tiếp tứ giác này.

c/ Gọi I là giao điểm của BE và CF và D là điểm đối xứng của I qua BC. C/m:

$ID \perp MN$.

Bài 4: Cho đường tròn tâm O, đường kính AB cố định. H là điểm trên đoạn thẳng AO (không trùng với A và O). Dây cung MN vuông góc với AB tại H. Đường thẳng AM cắt đường tròn đường kính AH tại P (P khác A) và đường thẳng MB cắt đường tròn đường kính HB tại Q (Q khác B).

a. Chứng minh MPHQ là hình chữ nhật.

b. Gọi K là giao điểm của các đường thẳng QH và AN. Chứng minh $KA = KH = KN$

c. Cho H thay đổi vị trí trên đường kính AB xác định vị trí của H để $MA = \frac{\sqrt{3}}{3} \cdot MB$

Bài 5: Từ một điểm E ở bên ngoài đường tròn (O;R) vẽ hai tiếp tuyến EA; EB với đường tròn. Trên cung nhỏ AB lấy điểm F vẽ $FC \perp AB$; $FD \perp EA$; $FM \perp EB$ ($C \in AB$; $D \in EA$; $M \in EB$). Chứng minh rằng:

a) Các tứ giác ADFC; BCFM nội tiếp được.

b) $FC^2 = FD \cdot FM$

c) Cho biết $OE = 2R$. Tính các cạnh của $\triangle EAB$.

BÀI TẬP HÓA HỌC 9 (16/3 – 22/3)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Câu 1: Sau khi làm thí nghiệm, khí Clo dư được loại bỏ bằng cách sục khí Clo vào

- A. Dung dịch HCl
B. Dung dịch NaOH
C. Dung dịch NaCl
D. Nước

Câu 2: Trong những hợp chất sau đây. Hợp chất nào phản ứng với Clo

- A. KCl, KOH, H₂O
B. KOH, H₂O, Na₂CO₃
C. KOH, H₂O, Ca(OH)₂
D. Ca(OH)₂, H₂O, Na₂CO₃

Câu 3: Để khắc các hoa văn trên gương (thủy tinh) người ta phải dùng cách nào?

- A. HNO₃ đặc, nóng
B. H₂SO₄ đặc, nguội
C. HF
D. HCl

Câu 4 : Khi cho HCl đặc dư tác dụng với cùng số mol các chất sau, chất nào cho lượng Cl₂ lớn nhất?

- A. KMnO₄
B. MnO₂
C. KClO₃
D. KClO

Câu 5: Khi mở vòi nước máy, nếu chú ý một chút sẽ phát hiện mùi lạ. Đó là do nước máy còn lưu giữ vết tích của chất sát trùng. Đó là mùi clo và người ta giải thích khả năng diệt khuẩn là do:

- A. Clo độc nên có tính sát trùng
B. Clo có tính oxi hoá mạnh
C. Clo tác dụng với nước tạo HClO chất này có tính oxi hoá mạnh
D. Một nguyên nhân khác

Bài 6. Để phân biệt hai bình khí HCl và Cl₂ riêng biệt có thể dùng thuốc thử nào sau đây?

- A. Giấy tẩm dung dịch phenolphthalein
B. Giấy tẩm hồ tinh bột và dung dịch KI
C. Giấy tẩm dung dịch NaOH
D. Giấy tẩm hồ tinh bột

Bài 7. Chỉ dùng một thuốc thử trong các thuốc thử nào sau đây để phân biệt các khí Cl₂, O₂ và HCl?

- A. Que đóm có than hồng
B. Giấy tẩm dung dịch phenolphthalein
C. Giấy quì tím khô
D. Giấy quì tím ẩm

Câu 8. Cacbon gồm những dạng thù hình nào?

- A. Kim cương, than chì, than gỗ.
B. Kim cương, than chì, cacbon vô định hình.
C. Kim cương, than gỗ, than cốc.
D. Kim cương, than xương, than cốc.

Câu 9. Trong luyện kim, người ta sử dụng cacbon và hoá chất nào để điều chế kim loại ?

- A. Một số oxit kim loại như PbO, ZnO, CuO, ...
B. Một số bazơ như NaOH, Ca(OH)₂, Cu(OH)₂, ...
C. Một số axit như HNO₃; H₂SO₄; H₃PO₄,
D. Một số muối như NaCl, CaCl₂, CuCl₂, ...

Câu 10. Để chứng minh sự có mặt của khí CO và CO₂ trong hỗn hợp, người ta dẫn hỗn hợp khí qua (1), sau đó dẫn khí còn lại qua (2) thấy có kết tủa màu đỏ xuất hiện. Hoá chất đem sử dụng ở (1), (2) lần lượt là:

- A. Nước vôi trong; đồng (II) oxit nung nóng. B. Kali hiđroxit, đồng (II) oxit nung nóng.
C. Natri hiđroxit, đồng (II) oxit nung nóng. D. Nước vôi trong, kali hiđroxit.

Câu 11. Khi mở các chai nước giải khát có ga thấy xuất hiện hiện tượng sủi bọt vì:

- A. Áp suất của khí CO₂ trong chai lớn hơn áp suất của khí quyển, khi mở nút chai dưới áp suất của khí quyển, độ tan giảm đi, khí CO₂ trong dung dịch thoát ra.
B. Áp suất của khí CO₂ trong chai nhỏ hơn áp suất của khí quyển, khi mở nút chai dưới áp suất của khí quyển, độ tan giảm đi, khí CO₂ trong dung dịch thoát ra.
C. Áp suất của khí CO₂ trong chai bằng áp suất của khí quyển, khi mở nút chai dưới áp suất của khí quyển, độ tan giảm đi, khí CO₂ trong dung dịch thoát ra.
D. Áp suất của khí CO₂ trong chai bằng áp suất của khí quyển, khi mở nút chai dưới áp suất của khí quyển, độ tan tăng lên, khí CO₂ trong dung dịch thoát ra.

Câu 12. Biết rằng 1 mol cacbon khi cháy toả ra 394KJ. Vậy lượng nhiệt toả ra khi đốt cháy 1kg than cốc chứa 84% cacbon là:

- A. 27000 KJ B. 27580 KJ C. 31520 KJ D. 31000 KJ

Câu 13. Có các dung dịch: NH₄Cl, NH₄HCO₃, NaNO₃, NaHCO₃. Để phân biệt các dung dịch, có thể dùng thêm một hóa chất là:

- A. dd KOH B. dd NaOH C. dd HCl D. dd Ca(OH)₂

Câu 14. Chỉ từ NH₄HCO₃, Na₂SO₃, MnO₂, dd H₂SO₄, Al, NaCl, Ba (không dùng phản ứng nhiệt phân và điện phân), có thể điều chế tối đa bao nhiêu khí?

- A. 5 B. 6 C. 7 D. 8

Câu 15. Có 4 lọ chứa các chất bột NaCl, Na₂SO₄, Na₂CO₃, BaCO₃.

Nếu chỉ dùng thêm 2 lọ hóa chất để nhận biết từng chất trên thì chọn hóa chất nào sau đây.

- A. nước, khí CO₂ B. nước, dd AgNO₃ C. nước, dd BaCl₂ D. tất cả đều đúng

Câu 16. Có 4 lọ đựng 4 khí riêng biệt: oxi, hidro, clo và khí cacbonic. Bằng cách nào trong các cách sau đây để phân biệt mỗi khí trên (tiến hành theo trình tự sau);

- A. Dùng nước vôi trong dư B. Dùng nước vôi trong dư, dùng quỳ tím ẩm
C. Dùng tàn đóm đỏm, dùng quỳ tím ẩm D. Dùng quỳ tím ẩm, dùng nước vôi trong

Câu 17: Khi cho nước tác dụng với oxit axit không tạo thành axit, thì oxit đó có thể là :

- A. SiO₂ B. CO₂ C. SO₂ D. NO₂

Câu 18: Natri silicat có thể được tạo thành bằng cách:

- A. Đun SiO₂ với NaOH nóng chảy
B. Cho SiO₂ tác dụng với dung dịch NaOH loãng
C. Cho dung dịch K₂SiO₃ tác dụng với dung dịch NaHCO₃
D. Cho Si tác dụng với dung dịch NaCl

Câu 19: Vì sao người ta có thể sử dụng nước đá khô (CO₂ rắn) để tạo môi trường lạnh và khô trong việc bảo quản thực phẩm và hoa quả tươi?

- A. Nước đá khô có khả năng hút ẩm B. Nước đá khô có khả năng thăng hoa
C. Nước đá khô có khả năng khử trùng D. Nước đá khô có khả năng dễ hóa lỏng

Câu 20. Các ngành sản xuất đồ gốm, xi măng, thủy tinh được gọi là công nghiệp silicat, vì:

- A. Điều chế biến các hợp chất tự nhiên của nhôm
B. Điều chế biến các hợp chất tự nhiên của sắt
C. Điều chế biến các hợp chất tự nhiên của silic
D. Điều chế biến các hợp chất tự nhiên của cacbon

Câu 21. Hàng năm, thế giới cần tiêu thụ khoảng 46 triệu tấn clo. Nếu lượng clo chỉ được điều chế từ muối ăn NaCl thì cần ít nhất bao nhiêu tấn muối?

- A. 7,7 triệu tấn. B. 77 triệu tấn. C. 7,58 triệu tấn. D. 75,8 triệu tấn.

Câu 22. Dãy công thức hoá học của oxit tương ứng với các nguyên tố hoá học thuộc chu kì 3 là:

- A. Na_2O , MgO , Al_2O_3 , SiO_2 , P_2O_5 , SO_3 , Cl_2O_7
B. Na_2O , MgO , K_2O , SiO_2 , P_2O_5 , SO_3 , Cl_2O_7
C. Na_2O , MgO , Al_2O_3 , SO_2 , P_2O_5 , SO_3 , Cl_2O_7
D. K_2O , MgO , Al_2O_3 , SiO_2 , P_2O_5 , SO_3 , Cl_2O_7

Câu 23. Chất nào sau đây không được dùng để khử trùng

- A. Etanol 70⁰ B. Dung dịch NatriClorua 0,9%.
C. Nước Clo. D. Bột Canxicacbonnat

Câu 24. Trong thành phần của thủy tinh chịu nhiệt có 13% Na_2O ; 15 % CaO ; 72 % SiO_2 (theo khối lượng). Công thức hoá học của loại thủy tinh này dưới dạng các oxit là:

- A. Na_2O . CaO . 6SiO_2 B. Na_2O . 2CaO . 6SiO_2
C. Na_2O . 3CaO . 6SiO_2 D. Na_2O . 4CaO . 6SiO_2

Câu 25. Cho sơ đồ biến đổi sau: Phi kim \rightarrow Oxit axit (1) \rightarrow Oxit axit (2) \rightarrow Axit

Dãy chất phù hợp với sơ đồ trên là:

- A. $\text{S} \rightarrow \text{SO}_2 \rightarrow \text{SO}_3 \rightarrow \text{H}_2\text{SO}_4$ B. $\text{C} \rightarrow \text{CO} \rightarrow \text{CO}_2 \rightarrow \text{H}_2\text{CO}_3$
C. $\text{P} \rightarrow \text{P}_2\text{O}_3 \rightarrow \text{P}_2\text{O}_5 \rightarrow \text{H}_3\text{PO}_3$ D. $\text{N}_2 \rightarrow \text{NO} \rightarrow \text{N}_2\text{O}_5 \rightarrow \text{HNO}_3$

Câu 26. Người ta căn cứ vào đâu để đánh giá mức độ hoạt động hoá học của phi kim ?

- A. Khả năng và mức độ phản ứng của phi kim đó với kim loại và oxi.
B. Khả năng và mức độ phản ứng của phi kim đó với phi kim và hiđro.
C. Khả năng và mức độ phản ứng của phi kim đó với hiđro và oxi.
D. Khả năng và mức độ phản ứng của phi kim đó với kim loại và hiđro

Câu 27. Sản phẩm của phản ứng khi đốt cháy hoàn toàn lần lượt lưu huỳnh, hiđro, cacbon, photpho, trong khí oxi dư là :

- A. SO_2 , H_2O , CO_2 , P_2O_5 B. SO_3 , H_2O , CO_2 , P_2O_5
C. SO_2 , H_2O , CO , P_2O_5 D. SO_3 , H_2O , CO , P_2O_5

Câu 28: Sắp xếp theo sự giảm dần khả năng hoạt động hóa học của các nguyên tố Cl, F, I, Br như sau:

A. Cl > F > I > Br

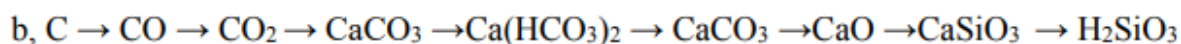
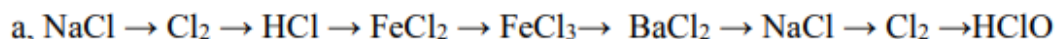
B. F > Cl > I > Br

C. Cl > F > Br > I

D. F > Cl > Br > I

II. PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1:(1đ) Viết các phương trình hoá học để hoàn thành dãy chuyển hoá hoá học sau:



Câu 2 :(1đ)

a, Có 4 khí đựng trong 4 lọ riêng biệt là : Cl_2 , HCl , CO_2 và O_2 . Hãy nêu phương pháp hóa học nhận biết từng khí đựng trong mỗi lọ. Viết phương trình hoá học minh hoạ.

b, Bằng phương pháp hóa học hãy nhận biết các dung dịch sau: Na_2CO_3 , Na_2SiO_3 , NaHCO_3 , NaCl . Viết phương trình hoá học minh hoạ.

Câu 3 :(1đ)

a, Nung 40g CuO với C dư. Toàn bộ lượng CO_2 sinh ra được dẫn vào bình đựng 100ml dung dịch NaOH nồng độ a M, sau phản ứng thu được dung dịch A. Dung dịch A có khả năng tác dụng tối đa 100ml dung dịch KOH 1M. Viết phương trình hóa học xảy ra. Tính giá trị của a ? Tính thành phần % các muối thu được sau phản ứng?

b, Tiến hành thí nghiệm: TN1: Cho 2,02 gam hỗn hợp gồm Mg và Zn vào cốc đựng 200 ml dung dịch HCl . Cô cạn hỗn hợp sau phản ứng, thu được 4,86 gam chất rắn khan. TN2: Cho 2,02 gam hỗn hợp kim loại trên cho vào cốc đựng 400 ml dd HCl cùng nồng độ, lại cô cạn hỗn hợp sau phản ứng, thu được 5,57 gam chất rắn khan.

Tính thể tích khí H_2 (đktc) thu được ở thí nghiệm 1. Tính khối lượng của Mg và Zn trong hỗn hợp?